



NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên) — PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
DƯƠNG THỊ THUYẾT NGÀ — TRẦN THỊ DIỆU OANH — HOÀNG THỊ THỊNH

CHUYÊN ĐỀ
HỌC TẬP

Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

11



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Giáo dục kinh tế và pháp luật – Lớp 11

*(Kèm theo Quyết định số 2026/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2022
và Quyết định số 2321/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Họ và tên	Chức vụ Hội đồng
Ông Thái Vĩnh Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khương	Phó Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Thoa	Ủy viên, Thư kí
Ông Đỗ Xuân Lân	Ủy viên
Bà Đinh Thị Phượng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Ủy viên
Bà Phan Thị Thu Hiền	Ủy viên
Bà Trần Thị Hồng Loan	Ủy viên

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên) – PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
DƯƠNG THỊ THUÝ NGÀ – TRẦN THỊ DIỆU OANH – HOÀNG THỊ THINH

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

BẢN MẪU

11



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất và năng lực chung, cùng các năng lực đặc thù của môn học theo yêu cầu của *Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*.

Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 là một phần trong Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11. Sách gồm 3 chuyên đề: 1/ Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên; 2/ Một số vấn đề về pháp luật lao động; 3/ Một số vấn đề về pháp luật dân sự; đáp ứng nhu cầu lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của các em học sinh theo các ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Pháp luật, Hành chính,... sau trung học phổ thông, phù hợp với sở thích, hứng thú của bản thân. Nội dung của các chuyên đề ở mức độ chuyên sâu, vận dụng cao và tăng cường hoạt động trải nghiệm cho các em học sinh; giúp học sinh tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề của thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Nội dung *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11* được thiết kế theo hoạt động học tập của học sinh, trong đó mỗi bài học đều theo một cấu trúc thống nhất, bao gồm phần Mở đầu, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng. Với mỗi bài học này, các em sẽ thực hiện các hoạt động học tập trên lớp, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của thầy cô giáo để tìm tòi, khám phá kiến thức mới; luyện tập, củng cố để phát triển các năng lực theo yêu cầu của bài học; vận dụng, đưa nội dung bài học vào thực tiễn cuộc sống ở nhà, ở trường và xã hội.

Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 được biên soạn theo định hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh. Việc đánh giá được thực hiện căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong mỗi chủ đề bài học; kết hợp đánh giá biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.

Khi tham gia vào các hoạt động học tập ở lớp, ở nhà cùng các bài học trong *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11*, các em sẽ từng bước trưởng thành và củng cố định hướng nghề nghiệp theo các ngành học phù hợp mà mình lựa chọn.

Chúc các em một năm học mới thành công!

Các tác giả

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



Mở đầu

Nêu nhiệm vụ học tập, tạo tâm thế cho học sinh chuẩn bị vào bài học mới.



Khám phá

Là các thông tin, tình huống, trường hợp, các hình ảnh để học sinh trao đổi, thảo luận, tìm kiến thức mới trong bài học.



Câu hỏi tìm hiểu kiến thức.



Cuối mỗi hoạt động là chốt kiến thức theo yêu cầu cần đạt của bài học.



Luyện tập và Vận dụng

Luyện tập gồm những câu hỏi, bài tập nhằm củng cố, rèn luyện kiến thức bài học của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh rèn luyện các năng lực cần thiết theo yêu cầu của môn học.

Vận dụng là những bài tập để học sinh thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng bài học vào đời sống thực tiễn trong và ngoài giờ học.

CHUYÊN ĐỀ 1:
PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI
MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

CHUYÊN ĐỀ 2:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

CHUYÊN ĐỀ 3:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ



CHUYÊN ĐỀ **1**

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Bài **1**

NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẾN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên, xác định được nguyên nhân phát sinh những tác động đó.
- Giải thích được sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.



Mở đầu

Môi trường là không gian sinh sống của con người và các loài sinh vật. Môi trường tự nhiên cung cấp những nguyên liệu cho lao động để tạo ra của cải, thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Thế nhưng, cùng với sự phát triển nhanh về dân số, khoa học kỹ thuật đặc biệt là sự tăng tốc của nền kinh tế, con người đã tác động đến chính môi trường sống của mình và làm cho nó bị suy thoái và ô nhiễm.

Em hãy chia sẻ với các bạn trong lớp một bản tin liên quan tới tác động tiêu cực của phát triển đến môi trường tự nhiên.



Khám phá

1. Tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

Môi trường tự nhiên bao gồm tất cả những vật thể sống và không sống xuất hiện tự nhiên trên Trái Đất. Môi trường tự nhiên cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên cho phát triển kinh tế như đất, nước, không khí, động thực vật, ánh sáng mặt trời, khoáng sản,...

Phát triển kinh tế là một quá trình lớn lên hay tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời kì nhất định, bao gồm sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự hoàn thiện cơ cấu, thể chế kinh tế, chất lượng cuộc sống và công bằng xã hội.

a. Ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Ô nhiễm môi trường từ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam những năm gần đây luôn ở mức báo động. Hàng chục triệu tấn chất thải chăn nuôi, chất thải trồng trọt đang ngày ngày xả ra môi trường. Bên cạnh đó, để có năng suất, môi trường đất và nước đang phải gánh chịu hàng nghìn tấn phân hoá học, thuốc trừ sâu đổ xuống mà tỉ lệ hấp thụ chỉ khoảng 40%.



Hình 1. Vô thuốc bảo vệ thực vật do người dân vứt bỏ

(Theo Bản tin của Ban Thời sự, Đài Truyền hình Việt Nam:
Ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp, ngày 24/6/2017)

Thông tin 2. Tính đến cuối năm 2020, trên phạm vi cả nước có 369 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích khoảng 114 nghìn héc-ta. Nhiều dự án, cơ sở hiện đang đầu tư, vận hành tại các khu công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như: luyện kim, khai thác khoáng sản, phá dỡ tàu biển, sản xuất giấy, bột giấy, dệt nhuộm, lọc hoá dầu, nhiệt điện, sản xuất 698 cụm công nghiệp đi vào hoạt động.



Hình 2. Nguy cơ ô nhiễm môi trường từ các khu công nghiệp

Nhiều cụm công nghiệp vẫn chưa có các biện pháp bảo vệ môi trường cụ thể, đặt ra nhiều thách thức lớn về ô nhiễm môi trường do chất thải rắn, nước thải và khí thải công nghiệp.

(Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, NXB Dân trí, 2021)

Thông tin 3. Theo đánh giá của Tổ chức Phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP), Việt Nam là một trong năm nước đứng đầu thế giới dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu. Trong thời gian qua, những hiện tượng thiên tai như lũ lụt, bão, lốc xoáy, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng. Các hoạt động kinh tế đã làm gia tăng nguồn phát thải khí nhà kính. Nhu cầu tiêu thụ của quá trình phát triển kinh tế – xã hội đã gây sức ép lớn đối với việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.

(Theo Vũ Thị Thu Hằng, *Biến đổi khí hậu – những tác động đến tăng trưởng kinh tế và giải pháp ứng phó*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, 2018, số 5, tr.83 – 87)



- a) Em hãy cho biết hình ảnh, thông tin 1 và 2 đề cập đến ô nhiễm môi trường từ hoạt động kinh tế nào. Ngoài các hoạt động kinh tế trên, theo em còn những hoạt động nào khác dẫn đến ô nhiễm môi trường?
- b) Từ thông tin 3, em hãy làm rõ tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến biến đổi khí hậu ở nước ta.

b. Sự suy kiệt tài nguyên thiên nhiên

Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Nguồn tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới. Thế nhưng, cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội, nguồn tài nguyên trên thế giới đang đối mặt với nguy cơ cạn kiệt. Năm 2018, mạng lưới Dấu chân toàn cầu (GFN) ước tính nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên cho các hoạt động kinh tế của con người hiện nay đã gấp 1,7 lần khả năng đáp ứng của Trái Đất. Việt Nam hiện đang phải đối mặt với nhiều vấn đề, có thể kể đến như: tiêu thụ năng lượng và tài nguyên tăng nhanh, nhiều tài nguyên suy giảm nghiêm trọng, ví dụ như than đá. Từ một nước xuất khẩu than, Việt Nam bắt đầu nhập khẩu từ năm 2001 và đến năm 2015 trở thành nước nhập khẩu ròng. Dự báo năm 2030, Việt Nam có thể phải nhập khẩu tới 100 triệu tấn than mỗi năm. Ngoài than đá, Việt Nam liên tục tăng nhập khẩu dầu thô, thậm chí sắt, thép, các kim loại thường, chất dẻo nguyên liệu, nguyên phụ liệu cho dệt may và da giày,...

(Theo Nguyễn Hoàng Nam, *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030*,

Tạp chí Kinh tế và Quản lý, 2022, số 41, tr.8 – 14)

Thông tin 2. Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, tài nguyên biển đang bị khai thác quá mức, thiếu tính bền vững. Ước tính, cỏ biển trên toàn vùng biển nước ta từ Quảng Ninh đến Hà Tiên đã mất khoảng 40 – 60%; rừng ngập mặn mất đến 70% và khoảng 11% các rạn san hô đã bị phá huỷ hoàn toàn, không có khả năng tự phục hồi. Trong vòng hơn 20 năm qua, Việt Nam đã mất 12% số rạn san hô; 48% số rạn san hô khác đang trong tình trạng suy thoái nghiêm trọng. Kết quả nghiên cứu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) và một số tổ chức quốc tế khác trong những năm gần đây cũng chỉ ra rằng, khoảng hơn 80% lượng cá trên các vùng biển ven bờ và ngoài khơi của Việt Nam đã bị khai thác, trong đó có đến 25% lượng cá bị khai thác quá mức hoặc khai thác cạn kiệt; sản lượng đánh bắt giảm đáng kể; nhiều loài sinh vật biển khác đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng.

(Theo Bích Liên, *Để không có những “vùng biển chết” trong tương lai*,

Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 06/9/2021)



a) Em hãy cho biết mỗi thông tin trên đề cập tới tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến tài nguyên thiên nhiên nào.

b) Từ các thông tin đó, em hãy làm rõ vấn đề suy kiệt tài nguyên thiên nhiên do phát triển kinh tế gây ra.

c. Suy thoái môi trường và sự cố môi trường

Em hãy đọc các thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Điều 3. Giải thích từ ngữ (Trích)

13. Suy thoái môi trường là sự suy giảm về chất lượng, số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

14. Sự cố môi trường là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc do biến đổi bất thường của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng.

Thông tin 2. Trong thời kì đổi mới, quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam mới quan tâm đến bề rộng, khai thác tài nguyên là chính, việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên từ khâu khai thác, chế biến cũng như xử lý chất thải còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Môi trường bị suy thoái thể hiện ở các thông số: Diện tích rừng Việt Nam ngày càng giảm và suy thoái về chất lượng (diện tích rừng giàu ở nước ta còn lại 613 000 héc-ta, nhưng chủ yếu trên núi cao, khó khai thác; còn lại là rừng nghèo, rừng thứ sinh); tài nguyên đất bị suy thoái (tổng diện tích đất ở nước ta là 33,1 triệu héc-ta, trong đó chỉ có khoảng 20% là đất tốt, còn lại hơn 6 triệu héc-ta đất nông nghiệp là đất xấu, 2,8 triệu héc-ta đất bạc màu, 35 nghìn héc-ta đất khô hạn...); tài nguyên sinh vật trên cạn và dưới nước cũng bị suy thoái (100 loài thực vật, 83 loài thú, 60 loài chim, 40 loài động vật xương sống đang có nguy cơ tuyệt chủng,...).

(Theo Trương Minh Đức, *Suy thoái môi trường và vấn đề phát triển bền vững vùng dân tộc và miền núi*,
Tập chí Lí luận chính trị, 2019, số 01, tr.59 – 65)

Thông tin 3. Vào tháng 4 năm 2016 tại khu vực bốn tỉnh miền Trung, Việt Nam (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế) đã xảy ra một sự cố môi trường biển hết sức nghiêm trọng, gây nên hiện tượng hải sản chết hàng loạt và đặc biệt là các loài cá sống ở tầng đáy. Nguyên nhân gây nên hiện tượng này được xác định là do nguồn thải của Công ty Formosa Hà Tĩnh. Sự cố này đã tác động lớn đến đời sống sinh hoạt và hoạt động sản xuất của người dân ở bốn tỉnh miền Trung.

(Theo Nguyễn Ngọc Truyền và cộng sự, *Ảnh hưởng, ứng phó và kết quả phục hồi sinh kế của ngư dân khai thác thủy sản gần bờ tỉnh Thừa Thiên Huế sau sự cố môi trường biển (Formosa) năm 2016*,
Tập chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 2020, số 09, tr.142 – 150)



- a) Em hãy căn cứ vào thông tin 1 để xác định các vấn đề môi trường nào được nhắc đến ở thông tin 2 và thông tin 3.
- b) Từ các thông tin, em hãy làm rõ vấn đề suy thoái môi trường và sự cố môi trường do kinh tế phát triển gây ra.

d. Suy giảm đa dạng sinh học

Đa dạng sinh học là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên. Sự đa dạng, phong phú này được chia làm nhiều cấp độ tổ chức sinh giới, đặc biệt là các dạng hệ sinh thái của môi trường trên Trái Đất.

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi

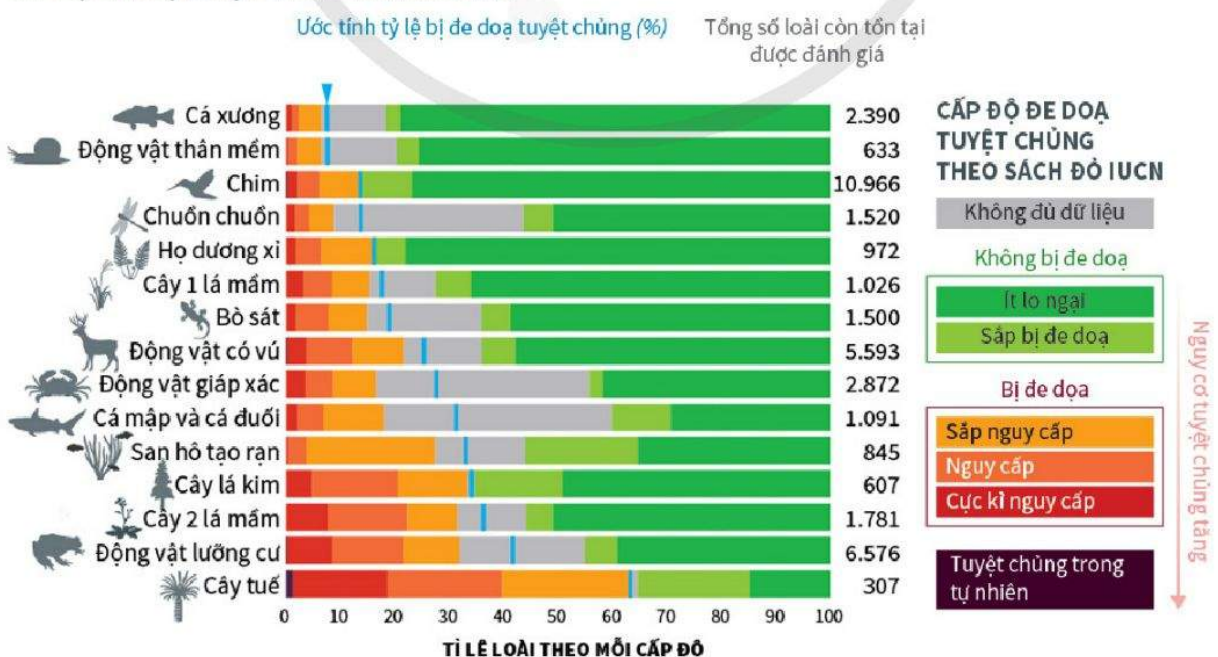
NGÀY QUỐC TẾ ĐA DẠNG SINH HỌC 22/5

KHỦNG HOẢNG TUYỆT CHỦNG VÀ SUY GIẢM LOÀI

Thế giới đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất của tình trạng tuyệt chủng và suy giảm loài, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới đa dạng sinh học.



CẤP ĐỘ ĐE ĐOÀ TUYỆT CHỦNG TRÊN TRÁI ĐẤT



(Theo tin đồ họa Thông tấn xã Việt Nam, ngày 22/5/2020)

Thông tin. Việt Nam được đánh giá là một nước có đa dạng sinh học cao trên thế giới. Tuy nhiên, với áp lực của phát triển kinh tế – xã hội, trong đó có việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mặt nước chưa phù hợp, khai thác quá mức và buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã; ô nhiễm môi trường; biến đổi khí hậu; sinh vật ngoại lai xâm hại có xu hướng gia tăng, ảnh hưởng ngày càng lớn đến đa dạng sinh học. Theo Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), nếu như năm 1996 mới chỉ có 25 loài động vật của Việt Nam ở mức nguy cấp thì đến năm 2021, có khoảng 513 loài động vật và 290 loài thực vật của Việt Nam ghi trong Sách Đỏ IUCN (2021). Đặc biệt, năm 2011, phân loài tê giác Việt Nam đã chính thức bị tuyệt chủng ở Việt Nam. Mất rừng, sinh cảnh bị suy thoái và nạn săn bắn do nhu cầu tiêu thụ và buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã đã khiến nhiều loài linh trưởng của khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông Mở rộng đang trên bờ tuyệt chủng. Một phần tư các loài này nằm trong danh sách các loài Cực kì Nguy cấp trong Sách Đỏ Thế giới IUCN và một nửa trong số chúng thuộc danh sách các loài Nguy cấp.

(Theo Nguyễn Xuân Dũng, *Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học hướng tới Thập kỷ phục hồi hệ sinh thái*, Tạp chí Môi trường, 2022, số 8, tr.19 – 23)



- Từ hình ảnh và thông tin trên, em hãy cho biết sự phát triển kinh tế gây ra tác động tiêu cực như thế nào đến sự đa dạng sinh học.
- Em hãy tìm hiểu thực trạng sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta trong những năm gần đây.



Môi trường tự nhiên là địa bàn và đối tượng chịu tác động của các hoạt động phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế gây ra những tác động tiêu cực đối với môi trường tự nhiên như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu; sự suy kiệt tài nguyên thiên nhiên; suy thoái môi trường, sự cố môi trường; sự suy giảm đa dạng sinh học;...

2. Nguyên nhân phát sinh tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

a. Gia tăng dân số và đô thị hoá

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Dân số Việt Nam tại thời điểm Tổng điều tra năm 2019 là 96,2 triệu người, dự báo dân số Việt Nam bình quân năm (mức sinh trung bình) năm 2064 là 116,9 triệu người. Sự gia tăng dân số đã làm tăng nhu cầu khai thác tài nguyên và gây ra áp lực cho hệ thống môi trường. Biểu đồ dưới đây dự báo về sự gia tăng dân số ở nước ta trong giai đoạn 2024 – 2064.

(Triệu người)



(Theo Báo cáo “Dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2019 – 2069”, Tổng cục Thống kê, 11/2020)

Thông tin 2. Theo dự báo, tỉ lệ đô thị hoá của Việt Nam sẽ đạt khoảng 45% vào năm 2026, số dân cư sinh sống tại đô thị khoảng hơn 45 triệu người. Dân số gia tăng khiến số lượng phương tiện giao thông cá nhân lưu hành cũng gia tăng tương ứng; nhiều phương tiện cũ, lạc hậu vẫn được sử dụng và thải vào môi trường lượng lớn bụi và khí thải. Hệ sinh thái ở nhiều đô thị bị phá vỡ để phục vụ cho phát triển kinh tế – xã hội, như việc san lấp hồ, ao, giảm diện tích cây xanh, công viên để phục vụ phát triển hạ tầng. Phát triển đô thị đồng nghĩa với tăng số lượng đường, phương tiện giao thông, các toà nhà và các công trình phục vụ tiện ích đô thị, từ đó làm giảm lưu thông không khí dẫn đến tích tụ các chất thải độc hại, gây ô nhiễm môi trường không khí đô thị, đặc biệt là ô nhiễm bụi.



Từ hai thông tin trên, em hãy cho biết gia tăng dân số và đô thị hoá ở nước ta gây ra sức ép đến môi trường tự nhiên như thế nào.

(Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, NXB Dân trí, 2021)

b. Sự lạc hậu về công nghệ khai thác, chế biến tài nguyên và xử lý chất thải

Em hãy đọc thông tin, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Trung bình mỗi năm Việt Nam thải ra khoảng 1,8 triệu tấn rác thải nhựa, nằm trong số 20 quốc gia có lượng rác thải lớn nhất và cao hơn mức trung bình của thế giới, do việc quản lý và công nghệ xử lý rác thải còn lạc hậu. Lượng chất thải nhựa và túi ni-lông ở Việt Nam, chiếm khoảng 8 – 12% chất thải rắn sinh hoạt nhưng

chỉ có khoảng 11 – 12% số lượng chất thải nhựa, túi ni-lông được xử lý, tái chế, số còn lại chủ yếu là chôn lấp, đốt và thải ra ngoài môi trường. Đây có thể dẫn đến thảm họa môi trường, đặc biệt là ô nhiễm đại dương. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp chưa có biện pháp xử lý chất thải, một số doanh nghiệp còn chôn lấp trái phép, điều này đã gây ra hậu quả lớn về ô nhiễm môi trường.

(Theo bài viết *Việt Nam nằm trong số 20 quốc gia có lượng rác thải lớn nhất và cao hơn mức trung bình của thế giới*, Tạp chí điện tử Ban Tuyên giáo Trung ương, ngày 18/10/2021)



Hình 1. Đốt rác lộ thiên gây ô nhiễm môi trường
(Theo Bản tin của Ban Thời sự,
Đài Truyền hình Việt Nam, ngày 14/4/2021)



Hình 2. Bãi chôn lấp chất thải
(Nguồn: tuoitre.vn)

Thông tin 2. Nhiều khu công nghiệp ở nước ta, do sử dụng công nghệ lạc hậu đã làm phát sinh nhiều chất ô nhiễm. Sự lạc hậu về công nghệ dẫn đến việc gia tăng mức độ tiêu thụ nguyên liệu và năng lượng hơn, phát sinh nhiều chất thải hơn, gây sức ép đối với môi trường. Trong khai thác khoáng sản, việc quá chú trọng đến sản lượng khai thác, chưa quan tâm nhiều đến sử dụng công nghệ đã làm gia tăng mức độ ô nhiễm và gây lãng phí tài nguyên thiên nhiên. Ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề còn có xu hướng gia tăng, nguyên nhân chính là công nghệ sản xuất lạc hậu, lại chưa đầu tư cho hoạt động xử lý chất thải. Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề chủ yếu là ô nhiễm bụi, khí độc, hơi kim loại, mùi và tiếng ồn, tùy thuộc vào tính chất, quy mô và sản phẩm của từng loại ngành nghề.

(Theo *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020*, NXB Dân trí, 2021)



a) Em hãy đọc thông tin 1, quan sát hình ảnh và cho biết trình độ công nghệ xử lý chất thải có ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên như thế nào. Theo em, khi xử lý chất thải bằng các phương pháp như chôn lấp, đốt rác lộ thiên sẽ gây ra hậu quả như thế nào đối với môi trường?

b) Từ thông tin 2, em hãy cho biết trình độ công nghệ khai thác và chế biến tài nguyên lạc hậu dẫn đến thực trạng môi trường tự nhiên như thế nào.

c. Sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng và ý thức bảo vệ môi trường của các chủ thể kinh tế

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Theo thống kê, nhu cầu năng lượng trong nước hiện tăng nhanh gấp khoảng 2 lần so với tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người. Trong nhiều năm trở lại đây, nhu cầu năng lượng đã tăng cao và chưa có dấu hiệu giảm về tốc độ. Trong khi nhiên liệu hoá thạch là loại nhiên liệu phải mất hàng trăm triệu năm để hình thành ở các dạng khác nhau như than đá, dầu mỏ, khí đốt,... tùy vào điều kiện môi trường, thì tốc độ tiêu thụ của con người quá nhanh. Điều này đã đặt ra sức ép lớn trong việc bảo đảm nhu cầu năng lượng cũng như an ninh năng lượng của mỗi quốc gia.

(Theo bài viết *Khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo*, Báo điện tử *dancongsan.vn*, ngày 28/9/2020)

Thông tin 2. Vì mục tiêu lợi nhuận, nhiều chủ thể sản xuất kinh doanh đã không tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển, chôn lấp và xử lý chất thải công nghiệp. Tình hình ô nhiễm môi trường tại các nhà máy, cơ sở sản xuất lớn, các khu công nghiệp ngày càng gia tăng; tình trạng chặt phá rừng, khai thác gỗ trái phép đang diễn biến phức tạp. Giai đoạn 2016 – 2020, cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát hiện gần 113 000 vụ với 113 800 đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm.

(Theo *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020*, NXB Dân trí, 2021)



- Từ thông tin 1, em hãy cho biết sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng năng lượng của người dân gây sức ép với môi trường như thế nào.
- Em hãy cho biết việc thiếu ý thức bảo vệ môi trường của các chủ thể kinh tế trong thông tin 2 sẽ gây ra hậu quả như thế nào đối với môi trường.
- Theo em, ngoài những nguyên nhân trên, còn có nguyên nhân nào dẫn tới những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên?



Một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên:

– Do áp lực gia tăng dân số và đô thị hoá đã dẫn đến việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên để phục vụ cho các nhu cầu của con người, trong đó đô thị hoá, phá rừng, các hoạt động sản xuất,... là những nguyên nhân chính

khiến môi trường bị biến đổi, tạo ra chất thải vượt quá khả năng tự phân huỷ của môi trường tự nhiên, làm các loài và hệ sinh thái bị suy giảm nghiêm trọng.

– Do trình độ công nghệ khai thác, chế biến tài nguyên và xử lý chất thải còn lạc hậu, dẫn đến lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

– Sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng là động lực cho sự gia tăng mạnh mẽ các hoạt động phát triển kinh tế, dẫn đến sự khai thác tài nguyên quá mức. Ý thức bảo vệ môi trường của một số chủ thể kinh tế chưa tốt, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Các cuộc chạy đua kinh tế gay gắt giữa các nhà sản xuất, các tập đoàn kinh tế hay các quốc gia đã làm tăng thêm các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên,...

3. Sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi



(Theo bài báo Cà Mau công bố tình hình khẩn cấp hạn hán cấp độ 2, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 03/3/2020)



(Theo bài báo Tập trung khắc phục hậu quả mưa lũ tại các tỉnh miền Trung, Báo điện tử Hải quân Việt Nam, ngày 17/10/2016)

Thông tin 1. Trên khắp thế giới, hằng năm, hơn 90% người dân phải tiếp xúc với nồng độ những hạt bụi mịn ngoài trời cao hơn các chỉ tiêu về chất lượng không khí WHO đưa ra. Ô nhiễm không khí có liên quan tới khoảng 7 triệu ca tử vong sớm mỗi năm. Ở Việt Nam, với sự phát triển của một số lĩnh vực như công nghiệp, vận tải, tình trạng ô nhiễm không khí ngày càng nghiêm trọng và số người tử vong sớm có liên quan tới ô nhiễm không khí ngày càng gia tăng. Chính những nguyên nhân trên đã ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến chất lượng cuộc sống (sức khỏe, giáo dục, y tế,...), gây thiệt hại về kinh tế và bất ổn xã hội. Cụ thể:

Ảnh hưởng trực tiếp: gây ra các bệnh về hô hấp (như viêm phổi, dị ứng,...); ung thư (hít phải nhiều khí độc sẽ làm tăng nguy cơ ung thư phổi và các bộ phận khác); ảnh

hưởng tới não bộ (làm suy giảm nhận thức và mất trí nhớ); ảnh hưởng tới tim mạch (làm tăng nguy cơ các bệnh về tim mạch, đặc biệt là đột quỵ; làm tổn hại da, kích thích các bệnh về mắt; trẻ em có thể bị giảm trí tuệ, tăng nguy cơ dị tật bẩm sinh ngay từ trong bụng mẹ,...

Ảnh hưởng gián tiếp: Ô nhiễm không khí gây hại cho hệ động thực vật. Qua đó, làm giảm chất lượng cuộc sống con người.

(Theo bài viết *Tác động của ô nhiễm không khí tới hệ hô hấp*, Báo điện tử Đại Đoàn Kết, ngày 25/01/2021)

Thông tin 2. Quá trình phát triển kinh tế – xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua đã bộc lộ nhiều bất cập và tạo ra nhiều áp lực lớn đối với môi trường sinh thái. Tình trạng ô nhiễm môi trường tiếp tục diễn biến phức tạp, ngày càng nghiêm trọng với nhiều điểm nóng, chất lượng môi trường nhiều nơi suy giảm mạnh, không còn khả năng tiếp nhận chất thải, đặc biệt ở các khu vực tập trung nhiều hoạt động phát triển; đa dạng sinh học và chất lượng rừng suy thoái đến mức báo động, nguồn gen bị thất thoát; hạn hán và xâm nhập mặn gia tăng; sự cố môi trường xảy ra nhiều, gây hậu quả nghiêm trọng, an ninh sinh thái bị đe dọa. Những vấn đề môi trường cấp bách này đã trở thành nguy cơ lớn, cản trở mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Ô nhiễm môi trường đang trở thành vấn đề báo động ở Việt Nam, trực tiếp ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, gây tâm lý bất an và lo lắng cho nhân dân.

(Theo bài viết *Những vấn đề môi trường cấp bách của Việt Nam: Thực trạng, xu thế, thách thức và giải pháp*, Tạp chí điện tử của Ban Tuyên giáo Trung ương, ngày 27/11/2021)



a) Những hình ảnh trên khiến em liên tưởng đến hậu quả nào của môi trường tự nhiên tác động đến con người và xã hội? Theo em, những hậu quả đó có thể ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội như thế nào?

b) Mỗi thông tin trên cho em biết điều gì về sự cần thiết phải giải quyết tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên?



Những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên gây ra những ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của con người, làm giảm chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư, tạo ra áp lực lớn đối với hệ thống y tế, giáo dục, nhà ở. Đồng thời, gây ra những thiệt hại lớn về kinh tế, cản trở tốc độ tăng trưởng, gia tăng chi phí khắc phục hậu quả môi trường và gây bất ổn xã hội. Vì vậy, cần thiết phải có biện pháp nhằm khắc phục những tác động tiêu cực này, góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước.



Luyện tập và Vận dụng

1. Em hãy liệt kê các hoạt động phát triển kinh tế và lấy những ví dụ thực tiễn (thông tin, video, hình ảnh,...) để chứng minh phát triển kinh tế gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường, sự suy giảm đa dạng sinh học và suy kiệt tài nguyên thiên nhiên,...
2. Em hãy bình luận ý kiến sau:

Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người không phải lúc nào cũng cùng chiều với những bước tiến tương tự nhau. Thực tế cho thấy, không ít các quốc gia đã có được tăng trưởng kinh tế đã lựa chọn “tăng trưởng trước – làm sạch sau” và cái giá phải trả là làm tổn hại quá mức nguồn tài nguyên, chất lượng môi trường sống bị giảm sút, cảnh quan bị tàn phá,...
3. Em hãy tìm kiếm số liệu về thực trạng vấn đề biến đổi khí hậu và hiệu ứng nhà kính ở nước ta trong những năm gần đây và làm rõ tác động của những biến đổi đó đối với sự phát triển kinh tế.
4. Em hãy trình bày một nguyên nhân làm phát sinh những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên ở địa phương em.
5. Em hãy sưu tầm một bản tin về các loại bệnh mà con người có thể mắc phải do ô nhiễm môi trường và chia sẻ với các bạn trong lớp.
6. Em hãy thiết kế một sản phẩm để tuyên truyền về sự cấp bách phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC, HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẾN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Yêu cầu cần đạt

- Đánh giá được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.
- Thực hiện được bài tập nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.



Mở đầu

Phát triển kinh tế gây ra tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, đến lượt mình, môi trường tự nhiên trả lại con người những thảm họa như sóng thần, bão lũ, mưa đá, hạn hán, dịch bệnh,... Tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên đã dẫn đến những thách thức đối với sự phát triển bền vững của tất cả các quốc gia. Trước thực trạng môi trường tự nhiên hiện nay, mỗi quốc gia cần có các chính sách và biện pháp cụ thể nhằm hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.

Em hãy cùng bạn chơi trò chơi tiếp sức để kể tên các biện pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà em biết.



Khám phá

1. Một số chính sách nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Môi trường ngày càng trở thành vấn đề nóng của thời đại, ảnh hưởng ngày càng lớn đến phát triển kinh tế bền vững, chất lượng cuộc sống và sức khỏe của nhân dân. Ở nước ta, vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng trở thành vấn đề cấp thiết. Đại hội XIII đặc biệt quan tâm và có nhiều quan điểm, chính sách cụ thể về vấn đề này. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng đã cụ thể hoá, đưa ra những chính sách cốt yếu cho giai đoạn tới, trong đó nhấn mạnh là: “Lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”.

Vấn kiện Đại hội XIII của Đảng ta cũng đánh giá việc thực hiện chính sách nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên,

cụ thể: Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được chú trọng, bước đầu đạt kết quả tích cực. Kiểm soát chặt chẽ hơn các hoạt động khai thác tài nguyên, hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô. Công tác kiểm tra, giám sát và kiểm soát về môi trường được tăng cường, xử lý nghiêm theo pháp luật một số vụ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Chú trọng chất lượng môi trường sống, cơ bản bảo đảm cung cấp nước sạch, dịch vụ y tế, dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là ở các đô thị, khu công nghiệp, khu vực nông thôn.

(Theo Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam,

NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tập 1, tr.66; tr.117)

Thông tin 2. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.
2. Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để tăng cường việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hoá bảo vệ môi trường.
3. Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.
4. Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư.
5. Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỉ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường.
6. Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.
7. Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

Thông tin 3. Chính sách thuế nói chung, chính sách thuế bảo vệ môi trường nói riêng được coi là công cụ hữu hiệu để tác động đến hành vi của người sản xuất và người

tiêu dùng, qua đó định hướng hành vi theo hướng thân thiện với môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững. Chính sách thuế bảo vệ môi trường nhằm tác động tới hành vi của các chủ thể kinh tế thông qua việc ưu đãi thuế đối với các hoạt động kinh tế thân thiện với môi trường, đồng thời, đánh thuế đối với hoạt động kinh tế làm tổn hại đến môi trường. Đây là nền tảng quan trọng thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Thuế bảo vệ môi trường được quy định trong Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012. Thuế bảo vệ môi trường được xây dựng dựa trên nguyên tắc người nào sử dụng sản phẩm gây ô nhiễm thì phải nộp thuế. Trên cơ sở các tiêu chuẩn môi trường của quốc gia và các thông lệ quốc tế, biểu thuế bảo vệ môi trường được xây dựng.

(Theo Đỗ Thị Phi Hoài; Bùi Văn Hiền, *Chính sách thuế bảo vệ môi trường với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh tại Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, 2022, số 611)



- a) Từ những thông tin trên, em hãy nêu các chính sách và kết quả thực hiện chính sách đó trong việc khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.
- b) Em hãy kể tên những chính sách khác nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên mà em biết.

2. Một số biện pháp nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi



Hình 1. Các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường
(Theo UNICEF Việt Nam, unicef.org/vietnam, ngày 09/5/2019)

Thông tin. Sau hơn một năm thực hiện phong trào hạn chế rác thải nhựa, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện Phong trào chống rác thải nhựa. Báo cáo cho thấy, nhận thức của người dân, cộng đồng và doanh nghiệp đã được nâng cao hơn rất nhiều, bước đầu đã có giải pháp, sản phẩm thay thế cho túi ni-lông khó phân huỷ và nhựa sử dụng một lần. Các doanh nghiệp đã hưởng ứng chống rác thải nhựa bằng những hành động cụ thể, từ đó giảm thiểu được hàng tấn ni-lông ra môi trường. Người tiêu dùng dần thay thế túi ni-lông bằng gói hàng bằng lá chuối, lá sen trong sinh hoạt hằng ngày. Đặc biệt, cấp uỷ, chính quyền địa phương đã vào cuộc quyết liệt, ban hành nhiều kế hoạch phòng chống rác thải nhựa, triển khai đến cấp cơ sở, góp phần chung tay giảm thiểu rác thải nhựa, bảo vệ môi trường.



Hình 2. Học sinh tham gia ngày hội đổi rác lấy cây xanh

(Theo bài viết *Đánh giá kết quả một năm thực hiện Phong trào chống rác thải nhựa*, Báo điện tử Tài nguyên và môi trường, Bộ Tài nguyên và môi trường, ngày 15/12/2020)



- Từ hình ảnh và thông tin trên, em hãy kể tên các biện pháp và kết quả thực hiện các biện pháp đó trong việc khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.
- Em hãy kể tên những biện pháp khác nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên mà em biết.



Để hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên, chúng ta cần thực hiện nhất quán chính sách và biện pháp, cụ thể:

Về mặt pháp lí: Hoàn thiện hệ thống pháp luật để phòng ngừa, kiểm soát tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường; cần có những chế tài xử phạt (cưỡng chế hành chính và xử lí hình sự) đủ mạnh để có sức răn đe các đối tượng vi phạm; xây dựng đồng bộ hệ thống quản lí môi trường các nhà máy, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề,...

Về mặt kinh tế: Đầu tư nguồn lực tài chính, ngân sách nhà nước, địa phương cho việc cải thiện chất lượng môi trường. Ưu tiên đầu tư khoa học công nghệ, kĩ thuật tiên tiến trong lĩnh vực môi trường để góp phần giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Về mặt giáo dục: Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường.



Luyện tập và Vận dụng

- Em hãy đánh giá ý nghĩa của mỗi chính sách, biện pháp dưới đây đối với việc khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.
 - Nhà nước ban hành các chính sách bảo vệ môi trường, nỗ lực giảm thiểu tác động môi trường từ các hoạt động sản xuất nhằm ngăn ngừa ô nhiễm.
 - Chính phủ ban hành các quy định việc xử lý vi phạm pháp luật về ô nhiễm môi trường.
 - Các nhà trường tổ chức phong trào học sinh nói không với rác thải nhựa và áp dụng biện pháp xây dựng trường học thân thiện với môi trường.
 - Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh X đầu tư máy móc, công nghệ để xử lý chất thải theo đúng tiêu chuẩn.
- Em hãy bình luận ý kiến sau: Biện pháp giáo dục đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.
- Với vai trò là người tiêu dùng, em hãy liệt kê các biện pháp cụ thể nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của hoạt động tiêu dùng đến môi trường tự nhiên.
- Em hãy cùng bạn thực hiện bài tập nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên theo các nội dung dưới đây:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Hoạt động 1. Xác định chủ đề nghiên cứu	– <i>Mục tiêu:</i> Xây dựng được các chủ đề cần nghiên cứu; thành lập được các nhóm theo sở thích và phân công nhiệm vụ giữa các thành viên. – <i>Nhiệm vụ:</i> Lập nhóm và thảo luận, trên cơ sở các vấn đề đặt ra, các thành viên trong nhóm cùng thảo luận để xác định chủ đề nghiên cứu. + Vấn đề chất lượng cuộc sống của con người bị ảnh hưởng do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên (sức khỏe, y tế, giáo dục,...). + Những thiệt hại về kinh tế mà con người phải gánh chịu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. + Những bất ổn về xã hội do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên,...

	– <i>Sản phẩm</i>: Thành lập được nhóm, bầu nhóm trưởng, kí kết hợp đồng học tập với giáo viên, bước đầu xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ.
Hoạt động 2. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu	– <i>Mục tiêu</i>: Thảo luận về chủ đề được giao, xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu. – <i>Nhiệm vụ</i>: Các nhóm xác định được những việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, phương pháp tiến hành. Các nhóm tự phân công tìm hiểu, nghiên cứu, sưu tầm tranh ảnh, video về các nội dung được phân công. – <i>Sản phẩm</i>: Đề cương chi tiết cho từng chủ đề đã chọn; bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thời gian cho việc hoàn thành nhiệm vụ.
Hoạt động 3. Thực hiện nghiên cứu	– <i>Mục tiêu</i>: Làm việc cá nhân và nhóm theo kế hoạch đề ra như thu thập thông tin (bản đồ, tranh ảnh qua sách, báo, Internet,...); xử lí thông tin, tổng hợp kết quả nghiên cứu và viết báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm để chuẩn bị trình bày trước lớp. – <i>Nhiệm vụ</i>: Các nhóm báo cáo về tiến độ công việc của nhóm mình, đồng thời nêu các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tìm hiểu các chủ đề. Các thành viên thông qua báo cáo của nhóm mình, góp ý, chỉnh sửa bài báo cáo của nhóm. Nhóm trưởng tiếp nhận ý kiến đóng góp của các thành viên, hoàn thiện báo cáo của nhóm, chuẩn bị trình bày trước lớp. – <i>Sản phẩm</i>: Bài thuyết trình/video clip/sơ đồ tư duy,... về vấn đề nghiên cứu.
Hoạt động 4. Báo cáo kết quả nghiên cứu	– <i>Mục tiêu</i>: Các nhóm báo cáo được kết quả làm việc của nhóm mình thông qua các hình thức thuyết trình, thảo luận; tự đánh giá sản phẩm của mình và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác. – <i>Nhiệm vụ</i>: Các nhóm báo cáo các nội dung chủ đề theo sự phân công trước lớp; thảo luận và chuẩn bị câu hỏi cho các nhóm khác. – <i>Tổng kết nghiên cứu</i>: Tiến hành đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm cho những lần thực hiện tiếp theo.

5. Em hãy viết bài luận để đánh giá một biện pháp, chính sách nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.

CHUYÊN ĐỀ 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

Bài 3

KHÁI NIỆM, NGUYÊN TẮC CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm, nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động.
- Nêu được ý kiến thuyết phục trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến pháp luật lao động.
- Tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện tốt pháp luật lao động.



Mở đầu

Chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là hoàn thiện hệ thống pháp luật về lao động và quan hệ lao động, hướng tới xây dựng và phát triển quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ, khơi dậy và phát huy các lợi thế về nguồn lực lao động của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Em hãy chia sẻ với các bạn những điều em biết về pháp luật lao động.



Khám phá

1. Khái niệm pháp luật lao động

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (Trích)

Bộ luật Lao động quy định tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lý nhà nước về lao động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng (Trích)

1. Người lao động, người học nghề, người tập nghề và người làm việc không có quan hệ lao động.
2. Người sử dụng lao động.
3. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

Trường hợp 1. Chị H kí hợp đồng làm việc với Công ty BM thuộc một quận tại thành phố X (loại hợp đồng có xác định thời hạn), công việc chị H làm là kĩ thuật viên vi tính với mức lương được trả mỗi tháng là 5 000 000 đồng, trả vào ngày 30 hằng tháng. Do tiền lương hằng tháng chị H được lĩnh bị chậm hơn so với thoả thuận trong hợp đồng lao động nên sau 3 tháng làm việc, chị H quyết định gửi đơn xin nghỉ việc và sau 3 ngày gửi hợp đồng lao động giữa chị H và Công ty BM đã chấm dứt.

Trường hợp 2. Công ty AC sử dụng 3 500 người lao động. Đầu năm 2020, công ty nhập về một dây chuyền công nghệ mới dẫn đến dư thừa 100 người lao động. Công ty đã thực hiện việc đào tạo, sắp xếp việc làm mới cho 20 người lao động và cho 80 người lao động thôi việc. Những người lao động này không đồng ý với quyết định của công ty nên gửi đơn đề nghị Toà án giải quyết.



- a) Em hãy làm rõ đối tượng điều chỉnh của pháp luật lao động trong thông tin trên.
- b) Em hãy xác định các quan hệ lao động trong từng trường hợp trên. Em nhận xét như thế nào về các quan hệ lao động trong trường hợp đó? Theo em, các quan hệ lao động đó có thuộc đối tượng điều chỉnh được xác định trong thông tin không? Vì sao?
- c) Từ thông tin và trường hợp trên, em hiểu thế nào là pháp luật lao động?



Pháp luật lao động là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động với người lao động và các quan hệ liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động phát sinh trong quá trình sử dụng lao động.

Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quan hệ lao động bao gồm quan hệ lao động cá nhân và quan hệ lao động tập thể.

Quan hệ liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động bao gồm quan hệ về việc làm, quan hệ học nghề, quan hệ về bồi thường thiệt hại, quan hệ về bảo hiểm xã hội, quan hệ giữa người sử dụng lao động và đại diện của tập thể lao động, quan hệ về giải quyết tranh chấp lao động và các cuộc đình công, quan hệ về quản lí lao động.

2. Nguyên tắc của pháp luật lao động

a. Nguyên tắc tự do làm việc và tuyển dụng lao động

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 35 (Trích)

1. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.

2. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 10. Quyền làm việc của người lao động (Trích)

1. Được tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kì người sử dụng lao động nào và ở bất kì nơi nào mà pháp luật không cấm.

Điều 11. Tuyển dụng lao động (Trích)

1. Người sử dụng lao động có quyền trực tiếp hoặc thông qua tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động để tuyển dụng lao động theo nhu cầu của người sử dụng lao động.

Trường hợp 1. Anh Y làm việc tại một doanh nghiệp tư nhân và luôn hoàn thành công việc theo thỏa thuận. Để có thêm thu nhập, anh Y đã nhận thêm việc quyết toán thuế cho một số cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ vào cuối tháng và có kí kết hợp đồng lao động với các cơ sở kinh doanh này. Có người băn khoăn việc anh Y giao kết nhiều hợp đồng lao động như vậy liệu có đúng quy định của pháp luật không?

Trường hợp 2. Chị G là chủ doanh nghiệp gốm sứ tại tỉnh H. Chị đăng tin tuyển lao động đã tốt nghiệp trung học phổ thông vào làm việc tại bộ phận lò nung gốm. Thông báo tuyển dụng của chị G được gửi tới trung tâm xúc tiến việc làm của tỉnh, một số xã phường, thị trấn và các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh H.



- Em hãy nêu khái quát nguyên tắc tự do làm việc và tuyển dụng lao động trong thông tin trên. Theo em, nguyên tắc này được áp dụng với ai?
- Từ thông tin, em hãy nhận xét việc làm của các nhân vật trong từng trường hợp.
- Theo em, nguyên tắc tự do làm việc và tuyển dụng lao động có được đảm bảo trong các trường hợp trên không? Vì sao? Hãy nêu những điều em biết về nguyên tắc này.



Tự do làm việc và tuyển dụng lao động là nguyên tắc được áp dụng đối với mọi công dân khi tham gia thị trường lao động.

– Với tư cách là người lao động, công dân được đảm bảo quyền quyết định lựa chọn đối tác trong quan hệ lao động, tự do lựa chọn địa điểm làm việc, xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ lao động,... nếu không vi phạm những điều pháp luật cấm.

– Với tư cách là người sử dụng lao động, công dân được đảm bảo quyền quyết định về thời điểm, cách thức tổ chức, số lượng, chất lượng tuyển dụng lao động, có quyền sắp xếp, bố trí, sử dụng lao động, chấm dứt quan hệ lao động,... theo nhu cầu của đơn vị và không trái quy định của pháp luật.

b. Nguyên tắc bảo vệ người lao động

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 35 (Trích)

2. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.

2. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 4 (Trích)

1. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, người làm việc không có quan hệ lao động; khuyến khích những thoả thuận bảo đảm cho người lao động có điều kiện thuận lợi hơn so với quy định của pháp luật về lao động.

Trường hợp 1. Chị M được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty X theo hợp đồng lao động thời hạn 36 tháng với mức lương 4 000 000 đồng/tháng. Chị M được công ty trả lương theo đúng thoả thuận nhưng không được bố trí công việc và không được đảm bảo các điều kiện an toàn lao động theo hợp đồng đã kí kết. Chị M đã kiến nghị với giám đốc công ty nhưng không được giải quyết và cũng không được giải thích lí do. Do đó, chị M đã nghỉ việc trước thời hạn mà không báo cho Công ty X.

Trường hợp 2. Người lao động ở Công ty Y được bố trí làm việc theo ca. Ca sáng từ 7 giờ đến 16 giờ, thường tăng ca đến 19 giờ, nghỉ giữa giờ từ 12 giờ đến 13 giờ. Ca đêm từ 19 giờ đến 4 giờ, thường tăng ca đến 7 giờ, nghỉ giữa giờ từ 24 giờ đến 1 giờ.



a) Từ thông tin, em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong từng trường hợp bên.

b) Theo em, nguyên tắc bảo vệ người lao động có được đảm bảo trong các trường hợp bên không? Vì sao? Hãy nêu những điều em biết về nguyên tắc này.



Bảo vệ người lao động là nguyên tắc được áp dụng đối với người lao động và là trách nhiệm của người lao động. Nguyên tắc này bao gồm: bảo vệ việc làm, thu nhập, quyền được nghỉ ngơi, quyền tự do liên kết của người lao động; đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động cho người lao động.

c. Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin

1. Hiến pháp năm 2013

Điều 57

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tạo việc làm cho người lao động.

2. Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hoà và ổn định.

2. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 4 (Trích)

2. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, quản lý lao động đúng pháp luật, dân chủ, công bằng, văn minh và nâng cao trách nhiệm xã hội.

Điều 6 (Trích)

1. Người sử dụng lao động có quyền:

a) Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lý vi phạm kỉ luật lao động;

b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

Trường hợp 1. Ông K là chủ cơ sở sản xuất đồ gia dụng. Để sản xuất đủ số lượng theo yêu cầu của thị trường, ông đã tuyển thêm 40 nhân công trong độ tuổi từ 30 – 35 để phục vụ sản xuất và kí kết hợp đồng bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật. Sau 17 tháng, do tình hình dịch bệnh COVID-19 nên doanh thu giảm sút, ông K đã quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với 40 công nhân nói trên, ông K thanh toán đủ lương và trả đủ tiền phụ cấp thôi việc theo quy định nhưng đại diện của những công nhân này đã viết đơn kiện ông K. Sau khi cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến thoả thuận giữa mình với 40 công nhân, cơ quan chức năng đã kết luận ông K tuân thủ đúng quy định của pháp luật lao động.

Trường hợp 2. Chị P làm việc cho Công ty A theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ tháng 6/2015. Đến tháng 8/2021, Công ty A tuyên bố phá sản và chuyển nhượng toàn bộ nhà máy và nhân sự cho Công ty B. Chị P bị Công ty B cho thôi việc và hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của pháp luật.



- a) Từ thông tin, em hãy nhận xét việc làm của ông K trong trường hợp 1 và quyết định của Công ty A, Công ty B trong trường hợp 2.
- b) Theo em, nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động có được đảm bảo trong các trường hợp trên không? Vì sao? Hãy nêu những hiểu biết của em về nguyên tắc này.



Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động là nguyên tắc được áp dụng với người sử dụng lao động và người lao động.

Nguyên tắc này bao gồm: bảo vệ quyền sở hữu về tài sản và những lợi ích hợp pháp trong và sau quá trình lao động được pháp luật thừa nhận; bảo vệ quyền tuyển dụng lao động; quyền thương lượng với đại diện tập thể lao động; quyền thực hiện các biện pháp quản lý, tổ chức, điều hành lao động; được Nhà nước ưu đãi khi có đủ các điều kiện hoặc hỗ trợ nếu gặp khó khăn theo quy định của pháp luật; được bảo hộ khi có sự vi phạm của người lao động và chủ thể khác được đơn phương chấm dứt hợp đồng với người lao động theo quy định.



Luyện tập và Vận dụng

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào dưới đây về pháp luật lao động? Vì sao?
 - A. Thuê mướn lao động được các quy phạm pháp luật lao động điều chỉnh.
 - B. Quan hệ pháp luật lao động chủ yếu dựa trên cơ sở giao kết hợp đồng lao động.
 - C. Năng lực pháp luật lao động của người lao động là khả năng pháp luật quyết định cho họ có quyền tuyển chọn và sử dụng lao động.
 - D. Người sử dụng lao động là cá nhân 18 tuổi có khả năng chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước pháp luật.
 - E. Pháp luật lao động điều chỉnh quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động với người giúp việc trong gia đình.

2. Em hãy cho biết nguyên tắc nào của pháp luật lao động Việt Nam được áp dụng cho các trường hợp dưới đây:

- a. Người sử dụng lao động không được phép trừ lương hằng tháng của người lao động khi người lao động vi phạm nội quy lao động.
- b. Doanh nghiệp yêu cầu người lao động phải trả một khoản tiền vì đã làm mất thiết bị của doanh nghiệp theo nội quy lao động.
- c. Người lao động không phải giao nộp bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ cho người sử dụng lao động giữ.
- d. Hợp đồng lao động được giao kết bằng văn bản thì được làm thành 2 bản, người lao động giữ 1 bản, người sử dụng lao động giữ 1 bản.
- e. Người lao động phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì được tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động.

3. Em hãy cùng bạn đóng vai để đưa ra ý kiến thuyết phục các chủ thể trong những trường hợp sau:

- a. Anh P dự định mượn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông của anh trai để làm hồ sơ xin vào làm việc ở Công ty X vì công ty chỉ tuyển dụng người đã tốt nghiệp trung học phổ thông.
- b. Chị Q dự định sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với một nữ nhân viên sau khi nghe tin nữ nhân viên đó đã lấy chồng và mang thai.
- c. Doanh nghiệp do chị H làm chủ do kinh doanh thua lỗ nên chị dự định cắt giảm tiền lương, tiền thưởng của người lao động.

4. Em hãy viết một bài tuyên truyền về vai trò của pháp luật lao động và chia sẻ với các bạn trong lớp.

5. Em hãy tìm hiểu một văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật lao động và thiết kế một sản phẩm truyền thông (tranh vẽ, pano,...) để chia sẻ với bạn về nội dung của văn bản pháp luật đó.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động.
- Phân tích, đánh giá được hậu quả của các hành vi vi phạm hợp đồng lao động trong các tình huống đơn giản, thường gặp.
- Tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện tốt pháp luật lao động.



Mở đầu

Quan hệ lao động là một loại quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động. Khi phát sinh quan hệ lao động, người sử dụng lao động có nghĩa vụ giao kết hợp đồng lao động với người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

Giả định có người được tuyển dụng vào làm việc tại một công ty, theo em họ cần giao kết hợp đồng lao động với ai? Họ cần biết những gì khi kí kết hợp đồng lao động?



Khám phá

1. Khái niệm và các nguyên tắc của hợp đồng lao động

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 13. Hợp đồng lao động

1. Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

Trường hợp hai bên thoả thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lí, điều hành, giám sát của một bên thì được coi là hợp đồng lao động.

2. Trước khi nhận người lao động vào làm việc thì người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động với người lao động.

Điều 15. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động

1. Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực.

2. Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thoả ước lao động tập thể và đạo đức xã hội.

Trường hợp. Anh N khai hồ sơ không trung thực để đủ điều kiện tham gia tuyển dụng vị trí nhân viên phòng hành chính của Công ty X. Sau một thời gian, giữa anh N và Công ty X có tranh chấp về tiền lương. Trong quá trình yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về tiền lương, Công ty X phát hiện ra hành vi khai hồ sơ không trung thực của anh N nên đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với anh N.



- a) Theo em, Công ty X có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với anh N không? Nguyên tắc nào của giao kết hợp đồng lao động được áp dụng trong trường hợp này?
- b) Em hãy nêu những nguyên tắc của hợp đồng lao động được nói đến trong thông tin và trường hợp. Nếu thực hiện đúng những nguyên tắc đó sẽ đem lại quyền lợi gì cho các bên khi giao kết hợp đồng lao động?
- c) Theo em, Công ty X có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với anh N không? Nguyên tắc nào của giao kết hợp đồng lao động được áp dụng trong trường hợp này?
- d) Em hãy nêu những nguyên tắc của hợp đồng lao động được nói đến trong thông tin và trường hợp. Nếu thực hiện đúng những nguyên tắc đó sẽ đem lại quyền lợi gì cho các bên khi giao kết hợp đồng lao động?



Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

Hợp đồng lao động được giao kết giữa người lao động và người sử dụng lao động phải tuân thủ theo những nguyên tắc sau:

– Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực: Hợp đồng lao động phải được giao kết trên cơ sở hai bên tương đồng về vị trí và tư cách pháp lý, tự nguyện bày tỏ ý chí của mình mà không chịu bất kì sức ép nào, thoả thuận trọn vẹn và đầy đủ mong muốn đích thực của mình, thực hiện nghĩa vụ cung cấp trung thực và đầy đủ thông tin liên quan đến giao kết hợp đồng lao động khi được yêu cầu.

– Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thoả ước lao động tập thể và đạo đức: Các bên khi giao kết hợp đồng phải tuân thủ pháp luật; sự riêng tư của các bên được tôn trọng và phải đặt trong cái chung của xã hội; các thoả thuận trong hợp đồng lao động không được trái với thoả ước lao động tập thể.

2. Nội dung, hình thức và các loại hợp đồng lao động

Em hãy đọc thông tin, trường hợp, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 14. Hình thức hợp đồng lao động

1. Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản và được làm thành 02 bản, người lao động giữ 01 bản, người sử dụng lao động giữ 01 bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Hợp đồng lao động được giao kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử có giá trị như hợp đồng lao động bằng văn bản.

2. Hai bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với hợp đồng có thời hạn dưới 1 tháng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 145 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật này.

Điều 20. Loại hợp đồng lao động (Trích)

1. Hợp đồng lao động phải được giao kết theo một trong các loại sau đây:

a) Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng;

b) Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.

Điều 145. Sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc (Trích)

1. Khi sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc, người sử dụng lao động phải tuân theo quy định sau đây:

a) Phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người chưa đủ 15 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó;

b) Bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến thời gian học tập của người chưa đủ 15 tuổi;

c) Phải có giấy khám sức khỏe của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền xác nhận sức khỏe của người chưa đủ 15 tuổi phù hợp với công việc và tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong 6 tháng;

d) Bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi.

Trường hợp 1. Chị V sau khi tốt nghiệp đại học đã xin vào làm việc tại Công ty X. Chị được công ty gửi văn bản hợp đồng để đọc trước khi ký kết, ngoài các thông tin cá nhân như họ tên, địa chỉ, số thẻ căn cước công dân,... của chị và người đại diện công ty, hợp đồng còn ghi chị được bố trí làm kiểm toán viên ở VPI, thử việc 2 tháng, lương thử việc là 85% mức lương của Kiểm toán viên loại 1. Các điều khoản như thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội được ghi rõ trong hợp đồng. Chị V đã đề nghị công ty bổ sung vào hợp đồng chế độ nâng lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và điều khoản về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Trường hợp 2. Toà soạn báo A có nhân viên xin nghỉ ốm nên chị M được nhận vào làm việc thay nhân viên đó. Chị M làm việc được gần 2 tuần nhưng toà soạn không kí hợp đồng lao động mà chỉ gửi thông báo chị được tuyển dụng và hướng dẫn thực hiện công việc. Chị M hỏi thì được người phụ trách của toà soạn giải thích rằng công việc của chị đang làm có thời hạn dưới 1 tháng nên không cần phải kí kết hợp đồng lao động.

Tình huống. Do kinh tế gia đình khó khăn nên A (14 tuổi) muốn xin vào làm việc tại xưởng tranh khắc gỗ của ông N. Xưởng tranh của ông N ở cách nhà A gần 20km. Ông N muốn nhận A vì biết hoàn cảnh gia đình của A, ông còn biết A học khá và rất khéo tay. Tuy nhiên, ông N băn khoăn vì A mới 14 tuổi, thủ tục giao kết hợp đồng với A sẽ phải thực hiện như thế nào cho đúng quy định của pháp luật.



- a) Dựa vào thông tin, em hãy xác định nội dung, hình thức và các loại hợp đồng lao động trong các trường hợp, tình huống trên.
- b) Theo em, đề nghị của chị V có thuộc nội dung của hợp đồng lao động không? Vì sao?
- c) Em nhận xét như thế nào về lời giải thích của toà soạn với chị M?
- d) Từ thông tin, em nhận xét như thế nào về băn khoăn của ông N trong tình huống?



Nội dung của hợp đồng lao động bao gồm: thông tin cá nhân của các bên; công việc và địa điểm làm việc; thời giờ làm việc, nghỉ ngơi; thời hạn của hợp đồng; tiền lương, hình thức và thời hạn trả lương, phụ cấp và các khoản bổ sung khác; điều kiện về bảo hộ và an toàn lao động; bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp; chế độ nâng bậc, nâng lương, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và kĩ năng nghề nghiệp.

Hợp đồng lao động được thể hiện dưới hai hình thức là văn bản (kể cả hợp đồng giao kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu) và lời nói.

– Hợp đồng lao động dưới dạng văn bản ghi nhận và thể hiện nội dung thỏa thuận thông qua giấy tờ có giá trị pháp lí thực tế, được các bên kí và giữ lại (người lao động giữ một bản; người sử dụng lao động giữ một bản).

– Hợp đồng lao động dưới hình thức lời nói nhằm phục vụ cho quan hệ lao động có thời hạn dưới một tháng. Hình thức này không áp dụng với người chưa đủ 15 tuổi, lao động là người giúp việc gia đình, lao động là người được một nhóm lao động đủ 18 tuổi trở lên uỷ quyền giao kết.

Hợp đồng lao động được giao kết theo một trong các loại sau:

– Hợp đồng lao động không xác định thời hạn tức là hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.

– Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng (không quá 36 tháng). Loại hợp đồng này khi hết hạn, nếu người lao động vẫn muốn tiếp tục làm việc thì phải kí kết hợp đồng lao động mới theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện và chấm dứt hợp đồng lao động

Em hãy đọc trường hợp, tình huống và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Anh H kí kết hợp đồng lao động với Công ty cơ khí A. Trong quá trình làm việc, anh H đã tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng lao động đã kí. Một thời gian sau, anh H được công ty cử đi học nâng cao trình độ. Kết thúc khoá học, anh H được giám đốc điều chuyển sang làm công việc khác. Anh đã đề nghị công ty bổ sung hợp đồng lao động cho mình.

Trường hợp 2. Sau khi phỏng vấn, bà N đã tuyển dụng anh P (20 tuổi) vào làm nhân viên kế toán của siêu thị. Qua trao đổi các nội dung về công việc, thời gian làm việc, tiền lương và điều kiện bảo hộ lao động, anh P đã đồng ý kí kết hợp đồng lao động với bà N. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc, bà N thường xuyên trả lương không đúng thời hạn, thậm chí còn giảm lương của anh P với lí do là siêu thị gặp khó khăn trong bán hàng. Do bà N vi phạm điều khoản trong hợp đồng nên anh P đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Trường hợp 3. M được tuyển dụng vào Công ty X. Trong hợp đồng lao động có xác định thời hạn hợp đồng là 3 năm, công việc của M là bán hàng. Trong quá trình làm việc, M thường xuyên nghỉ việc không báo cáo với người quản lí. Vì vậy, Công ty X đã quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với M.

Tình huống. Khi được mời sang công ty khác làm việc với lời hứa hẹn mức lương cao hơn, anh T đã quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đã kí với Công ty D. Giám đốc Công ty D yêu cầu anh T phải bồi thường cho công ty nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và một khoản tiền tương ứng với tiền lương theo hợp đồng lao động trong những ngày không báo trước. Anh T băn khoăn không biết yêu cầu của giám đốc công ty có đúng quy định của pháp luật không.



- Em hãy xác định việc thực hiện và chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp, tình huống trên.
- Hợp đồng lao động chấm dứt khi nào? Người sử dụng lao động và người lao động khi chấm dứt hợp đồng cần tuân thủ những quy định nào?



Các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động phải tuân thủ đúng các điều khoản đã kí kết. Công việc theo hợp đồng phải do chính người lao động đã giao kết hợp đồng thực hiện. Người sử dụng lao động được quyền tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Khi thực hiện hợp đồng lao động, nếu bên nào có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất ba ngày làm việc về nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong quá trình duy trì quan hệ hợp đồng, hợp đồng lao động có thể tạm hoãn thực hiện trong một thời gian nhất định đối với các trường hợp được pháp luật quy định hoặc hai bên thoả thuận. Thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng sẽ tạm thời không thi hành các quyền và nghĩa vụ lao động thuộc về người lao động. Hết thời gian tạm hoãn, người sử dụng lao động phải nhận người lao động trở lại làm việc theo quy định của pháp luật.

Chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật bao gồm:

- Hợp đồng lao động đương nhiên chấm dứt khi hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc, hoặc hai bên thoả thuận chấm dứt, hoặc một số trường hợp chấm dứt theo quyết định, tuyên bố của Tòa án.
- Hợp đồng lao động chấm dứt trước thời hạn. Với trường hợp này, một trong các bên được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật.



Luyện tập và Vận dụng

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào dưới đây? Vì sao?
 - A. Chỉ cần trong thoả thuận giữa hai bên có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lí, điều hành, giám sát của một bên thì được coi là hợp đồng lao động.
 - B. Trước khi nhận người lao động vào làm việc thì người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động với người lao động.
 - C. Người lao động được tự do, tự nguyện giao kết hợp đồng lao động nhưng phải phù hợp với thoả ước lao động tập thể và đạo đức xã hội.
 - D. Ngoài những nội dung chủ yếu của hợp đồng lao động, người sử dụng lao động không được thoả thuận những nội dung khác với người lao động.
 - E. Khi giao kết hợp đồng lao động, người lao động phải cung cấp trung thực mọi thông tin mà người sử dụng yêu cầu.

2. Em hãy cho biết nguyên tắc nào của pháp luật lao động Việt Nam được đảm bảo trong các trường hợp dưới đây:

- a. Ông A có thể giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung đã giao kết.
- b. Chị B thông qua tổ chức dịch vụ việc làm đã tìm kiếm được công việc phù hợp với trình độ và sức khoẻ của mình.
- c. Em C (14 tuổi) uỷ quyền cho người giám hộ của mình kí kết hợp đồng làm việc với chủ nhiệm câu lạc bộ bơi lội của thành phố.
- d. Giám đốc D kí quyết định sa thải người lao động khi người này tiết lộ bí mật kinh doanh của công ty.
- e. Bà Q không đồng tình với việc giám đốc công ty yêu cầu người lao động tự viết đơn xin thôi việc dù thời hạn hợp đồng vẫn còn.

3. Em hãy cùng bạn đóng vai để nêu hậu quả và cách xử lí đối với vi phạm hợp đồng lao động trong những trường hợp sau:

- a. Chị T thuê một người giúp việc. Hợp đồng lao động được kí kết với thời hạn 12 tháng, các điều khoản về tiền lương, quyền và nghĩa vụ của hai bên được thoả thuận và ghi rõ trong hợp đồng. Làm việc được 3 tháng, người giúp việc mượn cớ về quê thăm nhà và không quay trở lại làm việc.
- b. Trên địa bàn huyện X, một số doanh nghiệp không thực hiện kí hợp đồng với người lao động nhưng vì các doanh nghiệp này trả lương cao nên người lao động vẫn chấp nhận làm việc. Gần đây, do tình hình dịch bệnh nên các doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, cắt giảm nhân công. Các doanh nghiệp đã cử người đến gặp, trực tiếp nói rõ lí do và thông báo nghỉ việc cho người lao động.
- c. Anh V kí hợp đồng lao động với Công ty VP thời hạn 10 năm. Làm việc được 3 năm, Anh V thực hiện nghĩa vụ quân sự nên tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động với Công ty VP. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, anh V quay lại làm việc nhưng Công ty VP từ chối tiếp nhận dù trước đó đã đồng ý tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động và không có thoả thuận gì khác.

4. Em hãy cùng bạn xây dựng kế hoạch thực hiện một dự án nhỏ nhằm tuyên truyền quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động (gợi ý: mục đích, đối tượng tuyên truyền; thời gian, địa điểm tổ chức; hình thức, nội dung tuyên truyền;...).

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG VỀ TIỀN LƯƠNG VÀ TIỀN THƯỞNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI, TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được quy định của pháp luật lao động về tiền lương và tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động.
- Phân tích, đánh giá được hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật lao động trong các tình huống đơn giản, thường gặp về tiền lương và tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động.
- Tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện tốt pháp luật lao động.



Mở đầu

Tiền lương là nguồn thu nhập chủ yếu của người lao động. Ngoài phần tiền lương chính mà người sử dụng lao động và người lao động đã thoả thuận trước đó thì người lao động còn được hưởng một số nguồn thu nhập khác như: trợ cấp bảo hiểm xã hội, tiền thưởng,...

Giả định em là người lao động, giữa em và người sử dụng lao động có tranh chấp về tiền lương hoặc bảo hiểm xã hội, em sẽ làm như thế nào để bảo vệ quyền lợi của mình?



Khám phá

1. Tiền lương và tiền thưởng

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 90 (Trích)

1. Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thoả thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

Điều 94 (Trích)

1. Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Trường hợp người lao động không thể nhận lương trực tiếp thì người sử dụng lao động có thể trả lương cho người được người lao động uỷ quyền hợp pháp.

Điều 95 (Trích)

1. Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thoả thuận, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc.



- a) Trong thông tin trên, theo em những chủ thể nào được hưởng tiền lương, tiền thưởng?
- b) Theo em, việc trả lương cho người lao động phải thực hiện những nguyên tắc nào?

Trường hợp. Anh K làm nhân viên kỹ thuật tại Công ty X. Thời gian gần đây, Công ty X mở rộng quy mô và địa bàn sản xuất. Do yêu cầu công việc nên anh K thường xuyên phải di chuyển địa bàn làm việc và làm thêm giờ vào ban đêm. Anh K không đồng ý với mức lương được trả khi làm thêm giờ nên đã kiến nghị nhiều lần.



- a) Theo em, anh K có thể được hưởng những khoản tiền nào từ công việc của mình? Anh K có quyền được kiến nghị không?
- b) Hãy nêu những quy định của pháp luật về trả lương làm thêm giờ vào ban đêm và ngừng làm việc mà em biết.

Thông tin 2. Theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, cơ cấu tiền lương mới gồm: Lương cơ bản (chiếm khoảng 70% tổng quỹ lương) và các khoản phụ cấp (chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương). Bổ sung tiền thưởng (quỹ tiền thưởng bằng khoảng 10% tổng quỹ tiền lương của năm, không bao gồm phụ cấp).



Hãy trình bày hiểu biết của em về lương cơ bản, các khoản phụ cấp, quỹ tiền thưởng trong thông tin bên. Theo em, việc cải cách chính sách tiền lương có tác động như thế nào đến các chủ thể tham gia quan hệ lao động.



Tiền lương được hiểu là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thoả thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thoả thuận trong hợp đồng lao động, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc theo nguyên tắc: trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động hoặc người được người lao động uỷ quyền hợp pháp.

Người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm thì được người sử dụng lao động trả lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm theo quy định của pháp luật. Trường hợp phải ngừng làm việc thì căn cứ vào nguyên nhân và lỗi của các bên để trả lương hoặc không trả lương theo quy định của pháp luật.

Tiền thưởng là số tiền hoặc tài sản hoặc bằng các hình thức khác mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

2. Bảo hiểm xã hội

Em hãy đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Chị V là công nhân của Xí nghiệp X. Trong hơn 10 năm làm việc chị V đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định. Đầu năm nay, Xí nghiệp X tổ chức khám sức khoẻ định kì cho công nhân, chị V đi khám và được yêu cầu giám định bệnh nghề nghiệp. Kết quả chị bị bệnh nghề nghiệp tỉ lệ tổn thương 5%. Chị V được xí nghiệp cho nghỉ làm để điều trị và phục hồi chức năng lao động. Toàn bộ chi phí khám chữa bệnh, tiền bồi thường, tiền trợ cấp, tiền lương,... chị V được nhận trong thời gian nghỉ điều trị bệnh được xí nghiệp chi trả.

Trường hợp 2. Anh B làm việc tại một công ty được 21 năm 6 tháng và đã xin nghỉ việc từ tháng 5/2019, lúc nghỉ việc anh 43 tuổi. Từ khi nghỉ việc đến nay, anh B không liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để làm hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Trường hợp 3. Vào dịp nghỉ hè, do khéo tay nên bạn H (17 tuổi) được sự đồng ý của bố mẹ đã xin vào làm việc tại xí nghiệp thuê của chị T gần nhà để kiếm tiền chuẩn bị cho năm học mới. Mẹ của H đã đại diện cho H kí kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với chị T và nhận được yêu cầu H phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.



- Em nhận xét như thế nào về những chi phí mà Xí nghiệp X chi trả cho chị V? Những chi phí đó được lấy từ nguồn kinh phí nào? Vì sao chị V lại được xí nghiệp hỗ trợ hưởng toàn bộ chi phí trong thời gian điều trị bệnh?
- Trong trường hợp 2, anh B có bị mất quyền lợi có được từ bảo hiểm xã hội không? Thời gian đóng bảo hiểm xã hội được tính như thế nào?
- Theo em, bạn H có phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc không? Vì sao? Hãy kể tên các loại hình bảo hiểm xã hội mà em biết.



Bảo hiểm xã hội là một chế định bảo vệ người lao động, sử dụng nguồn tiền đóng góp của người lao động, người sử dụng lao động và sự hỗ trợ của Nhà nước để bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Có hai loại hình bảo hiểm xã hội:

– Bảo hiểm xã hội bắt buộc do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia. Khi tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc người lao động được hưởng các chế độ: ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hưu trí; tử tuất.

– Bảo hiểm xã hội tự nguyện do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập. Khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện người lao động được hưởng chế độ hưu trí; tử tuất.

Thời gian đóng bảo hiểm xã hội là thời gian được tính từ khi người lao động bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội cho đến khi dừng đóng. Trường hợp đóng không liên tục thì thời gian được tính là tổng thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.

3. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động

Em hãy đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi

Trường hợp 1. Doanh nghiệp M có trụ sở đóng tại tỉnh X. Do 6 tháng đầu năm doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nên Ban giám đốc đã quyết định thu hẹp sản xuất bằng việc giải thể xưởng sản xuất Y thuộc Doanh nghiệp M. Giám đốc doanh nghiệp đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với 30 lao động thuộc phân xưởng Y và giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc cho họ. Những lao động này không đồng ý với quyết định của giám đốc doanh nghiệp nên đã đồng loạt gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu giải quyết.

Trường hợp 2. Anh H làm việc tại Công ty M theo hợp đồng không xác định thời hạn. Sau 2 năm anh H được bầu làm Chủ tịch công đoàn của Công ty M. Lấy danh nghĩa Chủ tịch công đoàn, anh H đã kêu gọi người lao động đình công phản đối chính sách tiền lương của Công ty M. Hưởng ứng lời kêu gọi, người lao động của công ty đã viết một bản yêu cầu gửi tới Giám đốc công ty với tuyên bố nếu trong 3 ngày không có quyết

sách thoả đáng về tiền lương cho người lao động trong công ty thì họ sẽ đồng loạt nghỉ việc. Vì việc này, Giám đốc công ty đã sa thải anh H. Nhận quyết định, anh H đã gửi đơn tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị giải quyết.



- a) Em nhận xét như thế nào về tranh chấp lao động xảy ra trong các trường hợp trên? Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những tranh chấp lao động đó?
- b) Có ý kiến cho rằng, tranh chấp lao động trong trường hợp 1 là tranh chấp cá nhân, trong trường hợp 2 là tranh chấp tập thể, em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?
- c) Theo em, cơ quan, tổ chức nào có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của những người lao động trong các trường hợp trên? Trình tự, thủ tục giải quyết như thế nào?



Tranh chấp lao động là những tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác, về thực hiện hợp đồng, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế và các thoả thuận hợp pháp khác.

Căn cứ vào quy mô của tranh chấp có tranh chấp lao động cá nhân và tranh chấp lao động tập thể; tùy vào tính chất của tranh chấp mà có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ và tranh chấp về lợi ích.

Giải quyết tranh chấp lao động do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiến hành sau khi có yêu cầu của bên tranh chấp hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và được các bên tranh chấp đồng ý.

Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động gồm các bước:

– Giải quyết tranh chấp lao động thông qua hoà giải viên lao động, trừ một số tranh chấp: sa thải; bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tai nạn lao động;...

– Giải quyết tranh chấp tại Hội đồng trọng tài lao động hoặc Toà án. Bước này được áp dụng với trường hợp không bắt buộc phải qua thủ tục hoà giải; hết hạn hoà giải mà không tiến hành hoà giải; hoà giải không thành hoặc một trong hai bên không thực hiện thoả thuận trong biên bản hoà giải.

Các bên có quyền giải quyết tranh chấp trực tiếp hoặc thông qua đại diện, có quyền rút đơn hoặc thay đổi nội dung yêu cầu, có quyền thay đổi người tiến

hành giải quyết theo quy định. Đồng thời, có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, chứng cứ chấp hành thoả thuận đã đạt được, quyết định của Ban trọng tài lao động, bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.



Luyện tập và Vận dụng

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào dưới đây? Vì sao?
 - A. Thời điểm trả lương do hai bên thoả thuận và được ấn định vào một thời điểm cố định trong tháng.
 - B. Người lao động trong thời gian thử việc bắt buộc phải tham gia bảo hiểm xã hội.
 - C. Tiền lương được xác định bởi các yếu tố như chức danh, kỹ năng, bằng cấp, kinh nghiệm và một số yếu tố khác tùy thuộc vào mỗi công ty.
 - D. Tiền thưởng do doanh nghiệp tự quyết định dựa trên các quy chế của doanh nghiệp và tham khảo các tổ chức đại diện cho tập thể người lao động.
 - E. Lao động nữ đã đóng bảo hiểm được 4 tháng thì trong thời gian nghỉ sinh con được hưởng chế độ thai sản từ bảo hiểm xã hội.
2. Em hãy đóng vai người đại diện cho cơ quan bảo hiểm xã hội để tư vấn cho đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trong các trường hợp sau:
 - a. Bà M là lao động trong Công ty X, đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, đồng thời vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện. Sắp đến tuổi nghỉ hưu, bà M muốn biết mình được hưởng chế độ như thế nào?
 - b. Ông T nghe đài và nói với vợ việc mình nghỉ hưu có thể nhận lương và trợ cấp bảo hiểm xã hội thông qua tài khoản tiền gửi của người lao động mở tại ngân hàng. Vợ của ông T lại cho rằng, người về hưu phải đến trực tiếp từ cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội uỷ quyền để nhận lương. Vợ chồng ông T muốn được giải đáp về vấn đề này.
 - c. Lãnh đạo Công ty H quyết định trích 10% Quỹ bảo hiểm xã hội của công ty để tổ chức các hoạt động du lịch, tham quan cho người lao động trong công ty. Một số nhân viên trong công ty băn khoăn không biết sử dụng Quỹ bảo hiểm như thế có vi phạm quy định của pháp luật không.
3. Em hãy xử lý các tình huống sau:

Tình huống 1. Chị K đang làm công nhân tại một công ty trách nhiệm hữu hạn. Ba tháng vừa rồi chị K và nhiều người lao động trong công ty chưa được nhận lương,

mặc dù lãnh đạo công ty đã hứa nhiều lần. Trong công ty không có tổ chức công đoàn nên không ai đứng ra bảo vệ cho người lao động. Chị K đã gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị giải quyết.

a) Em nhận xét như thế nào về tranh chấp lao động trong trường hợp này?

b) Nếu là người thân của chị K, em sẽ hướng dẫn chị K thực hiện trình tự, thủ tục như thế nào để bảo vệ quyền lợi của mình và những người lao động khác?

Tình huống 2. Công ty V đã ký hợp đồng lao động với chị H, thời hạn hợp đồng là 12 tháng. Sau 3 tháng làm việc, Công ty V đã cử chị H đi đào tạo 3 tháng tại Hàn Quốc và chi trả mọi chi phí. Trước khi đi, chị H đã ký vào bản cam kết “Khi về nước sẽ làm việc trong công ty ít nhất 5 năm, nếu tự ý thôi việc trước 5 năm thì phải bồi thường toàn bộ chi phí mà công ty đã bỏ ra cho chị đi học”. Sau khi về nước, tiếp tục làm việc cho Công ty V được 2 năm thì chị H gửi đơn xin thôi việc với lý do gia đình chị chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh nên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động đã ký với công ty, sau đó chị H chính thức nghỉ việc. Công ty V gửi công văn yêu cầu chị H phải bồi thường toàn bộ chi phí đào tạo là 500 triệu đồng. Chị H không đồng ý bồi thường nên Công ty V đã gửi đơn đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa công ty và chị H.

a) Em nhận xét như thế nào về tranh chấp lao động trong trường hợp này?

b) Nếu chị H không muốn phải bồi thường chi phí đào tạo, chị H cần làm gì?

4. Em hãy sưu tầm các quy định pháp luật lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp, giải quyết tranh chấp lao động và xây dựng thành bộ câu hỏi (có đáp án) để sử dụng cho buổi tọa đàm với chủ đề: Tuyên truyền, phổ biến pháp luật Lao động.

CHUYÊN ĐỀ 3

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

Bài 6

KHÁI NIỆM, CÁC NGUYÊN TẮC CỦA PHÁP LUẬT DÂN SỰ

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật dân sự.
- Điều chỉnh hành vi pháp luật của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật dân sự.
- Tích cực, chủ động vận động người khác điều chỉnh hành vi pháp luật về dân sự, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật dân sự.



Mở đầu

Trong cuộc sống thường ngày, các quan hệ dân sự rất đa dạng và diễn ra thường xuyên xung quanh chúng ta. Các chủ thể tham gia quan hệ này có mối quan hệ bình đẳng với nhau.

Em hãy nêu các quan hệ xã hội mà em tham gia trong cuộc sống hằng ngày. Theo em, trong các quan hệ xã hội đó quan hệ nào là quan hệ dân sự?



Khám phá

1. Khái niệm pháp luật dân sự

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bộ luật này quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm (sau đây gọi chung là quan hệ dân sự).

Trường hợp 1. Bà H là chủ một cửa hàng tạp hoá, cơ quan quản lý thị trường đến kiểm tra siêu thị, nhận thấy một số mặt hàng không rõ nguồn gốc, cơ quan quản lý thị trường đã lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính đối với cửa hàng của bà H.

Trường hợp 2. P (14 tuổi) mồ côi cha mẹ, đang sinh sống với ông bà và anh trai. P muốn mở một tài khoản ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu P phải có xác nhận của người giám hộ

Trường hợp 3. Toà án nhân dân tỉnh I ra quyết định tuyên phạt hai năm tù đối với Trần Văn K về hành vi trộm cắp tài sản.

Trường hợp 4. Cháu M (14 tuổi) là con trai của vợ chồng anh H. Trong lúc đá bóng, M đã làm vỡ cửa kính nhà bà N. Bà N yêu cầu gia đình anh H phải bồi thường thiệt hại do con trai anh gây ra.



Theo thông tin, em hãy cho biết trường hợp nào do pháp luật dân sự điều chỉnh?



Pháp luật dân sự là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ tài sản và các quan hệ nhân thân trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quan hệ đó.

Quan hệ tài sản là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản. (quan hệ sở hữu, quan hệ hợp đồng, thừa kế tài sản,...). Các tài sản được thể hiện dưới dạng hàng hoá và được quy thành tiền. Sự đền bù tương đương trong trao đổi là biểu hiện của quan hệ hàng hoá và tiền tệ.

Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền về tài sản.

Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người với người về một giá trị nhân thân của cá nhân và các tổ chức, về nguyên tắc không thể dịch chuyển cho chủ thể khác, không xác định được bằng tiền (quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với danh dự, nhân phẩm, uy tín,...). Giá trị nhân thân và tiền tệ không phải là những đại lượng tương đương và không thể trao đổi ngang giá.

Quan hệ nhân thân do pháp luật dân sự điều chỉnh bao gồm hai nhóm: quan hệ nhân thân gắn với tài sản và quan hệ nhân thân không gắn với tài sản. Quan hệ nhân thân gắn với tài sản là những giá trị nhân thân khi được xác lập làm phát sinh các quyền tài sản như quyền tác giả các sáng chế, tác giả các tác phẩm văn học nghệ thuật. Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản như danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân và danh dự, uy tín của tổ chức.

2. Nguyên tắc của pháp luật dân sự

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự (Trích)

1. Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kì lí do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.

2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận. Mọi cam kết, thoả thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

4. Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

5. Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

Trường hợp 1. Anh H kí hợp đồng với Công ty xây dựng A để xây nhà trong thời hạn 6 tháng. Tuy nhiên, đội xây dựng của công ty do thiếu trách nhiệm nên hơn 6 tháng chưa xây xong. Họ đã vi phạm nghĩa vụ về thời hạn hoàn thành công việc. Vi phạm đó gây thiệt hại làm anh H không có nhà ở như dự kiến.

Trường hợp 2. Anh A và Anh B là hàng xóm, có nhà sát cạnh nhau nên khi xây dựng nhà, họ thoả thuận về việc hàng rào là sở hữu chung của hai nhà, đặt đường ống thoát nước mưa sao cho nước mưa không chảy xuống nhà của nhau. Anh B còn yêu cầu anh A không được phép mở cửa sổ sang phía bên nhà mình nhưng anh A không đồng ý nên trong quá trình xây dựng anh B nhiều lần đe dọa anh A.

Trường hợp 3. D ép buộc L phải bán xe máy phân phối lớn cho mình vì D rất thích xe máy của L. L không muốn bán vì đây là kỉ niệm của bố L để lại. D đã nhiều lần đe dọa, L không bán thì sẽ bị đánh, có lần D còn ngang nhiên lấy xe của L để đi mà không được sự đồng ý của L.

Trường hợp 4. K và G thoả thuận mua bán ti vi cũ. K đã thông báo rõ hiện trạng ti vi và G cũng đã đồng ý với hiện trạng này. Hai bên đã thanh toán tiền theo thoả thuận. Khi sử dụng ti vi, G phát hiện thêm một số lỗi của ti vi mà K không nói cho G biết.



Căn cứ vào thông tin, em hãy xác định:

- Trường hợp 1 anh H và Công ty xây dựng A đã có thoả thuận gì? Công ty xây dựng A đã có hành vi sai phạm như thế nào về nghĩa vụ đã thoả thuận?
- Trường hợp 2 và trường hợp 4, thoả thuận của các bên có bình đẳng, tự do, tự nguyện và trung thực không?
- Trường hợp 3, hành vi của D đã sai phạm như thế nào?



Cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận. Mọi cam kết, thoả thuận mà không có sự thoả thuận của các bên có thể bị tuyên bố vô hiệu lực.

Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.



Luyện tập và Vận dụng

1. Em hãy xác định quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân trong tình huống sau, giải thích vì sao.
Anh A và chị B đã đăng kí kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn, hai người đã mua một căn hộ chung cư gần chỗ làm của chị B để thuận tiện cho việc đi làm. Sau một thời gian, hai anh chị đã có một bé gái và đặt tên là X. Đến một hôm, khi anh A đang trên đường đi làm thì bị một chiếc xe ô tô vượt đèn đỏ va vào xe của anh A làm cho anh A bị thương phải đi bệnh viện cấp cứu và xe bị hư hỏng nặng.
2. Hành vi nào dưới đây là đúng, hành vi nào không đúng theo quy định pháp luật dân sự? Vì sao?
 - A. H làm hỏng ti vi của nhà hàng xóm nhưng không bồi thường và mang ti vi đi sửa lại.
 - B. Ca sĩ N sử dụng bài hát của tác giả nhưng không xin phép.
 - C. Vợ chồng thương yêu lẫn nhau, chia sẻ công việc, cùng nhau chăm sóc gia đình.
 - D. Con không chăm sóc, bất hiếu với bố mẹ.
 - E. Hai bên thoả thuận mua bán hàng hoá nhưng một bên giao hàng chậm dẫn đến thiệt hại cho bên kia.

3. Em hãy cho biết nguyên tắc nào của pháp luật dân sự Việt Nam được bảo đảm cho các trường hợp dưới đây.

- a. X và Y là hai vợ chồng, vợ và chồng bình đẳng với nhau, khi li hôn vợ, chồng đều được chia tài sản ngang nhau theo quy định của pháp luật.
- b. C và D kí hợp đồng mua bán nhà theo thoả thuận, C có trách nhiệm giao nhà đúng thời hạn, D có nghĩa vụ trả tiền theo thoả thuận và có quyền được nhận nhà. Hai bên đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo thoả thuận.
- c. P gây thiệt hại cho M do có hành vi lạng lách, đánh võng khi tham gia giao thông, P có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại cho M.
- d. B là tác giả của bài hát và đăng kí quyền tác giả tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc sử dụng bài hát phải được sự đồng ý của tác giả.

4. Y là học sinh trung học phổ thông hay chụp ảnh và đăng lên mạng xã hội. Một hôm, đang trong giờ học, Y lấy điện thoại chụp hình X ngồi phía sau đang ngủ gật và đăng lên mạng xã hội. X yêu cầu Y gỡ ảnh xuống nhưng Y không gỡ.

Em hãy nêu những việc cần làm để Y không vi phạm pháp luật dân sự.

5. Hãy tự liên hệ bản thân về việc thực hiện các quan hệ dân sự trong cuộc sống (tích cực, vi phạm pháp luật dân sự,...).

6. Em hãy xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo kế hoạch trong cuộc thi tuyên truyền về vai trò của pháp luật dân sự.

Gợi ý:

– Lập kế hoạch: Mục đích, thể lệ; đối tượng dự thi; thời gian đăng kí; hình thức thi; yêu cầu về sản phẩm; tiêu chí chấm điểm, cơ cấu giải thưởng; xây dựng chương trình;...

– Tổ chức cuộc thi theo kế hoạch: Địa điểm tổ chức; cách thức; ban giám khảo;...

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được nội dung cơ bản của chế định pháp luật dân sự về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự và sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp.
- Nêu được ý kiến, phân tích đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.



Mở đầu

Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta bắt gặp rất nhiều giao dịch, sự kiện như mua bán tài sản, tổ chức ca nhạc, triển lãm sách, tranh ảnh,... các giải pháp để cải tiến kỹ thuật phục vụ tốt hơn cho đời sống. Trên thực tế, các giao dịch, sự kiện này có thể phát sinh rất nhiều tranh chấp, quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh, phải bồi thường thiệt hại nếu chúng ta không tuân thủ quy định của pháp luật.

Em hãy chia sẻ những điều em biết về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự và quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật dân sự.



Khám phá

1. Hợp đồng dân sự

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 385. Khái niệm hợp đồng

Hợp đồng là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

Điều 398. Nội dung của hợp đồng

1. Các bên trong hợp đồng có quyền thoả thuận về nội dung trong hợp đồng.

2. Hợp đồng có thể có các nội dung sau đây:

- a) Đối tượng của hợp đồng;
- b) Số lượng, chất lượng;
- c) Giá, phương thức thanh toán;
- d) Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng;
- e) Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- g) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
- h) Phương thức giải quyết tranh chấp.

Trường hợp 1. M nhờ N trông giúp một chiếc xe máy và N đồng ý. Do N không chú ý nên chiếc xe của M bị mất. M yêu cầu N phải bồi thường chiếc xe máy nhưng N không đồng ý vì cho rằng mình chỉ trông giúp, không phải người giữ xe, không thu tiền trông xe máy của M.

Trường hợp 2. H kí hợp đồng mua bán căn hộ chung cư cao cấp C với chủ đầu tư là Công ty E. Hợp đồng được kí kết vào ngày 01/02/2022, các bên hoàn thiện thủ tục pháp lí đối với hợp đồng. H thanh toán toàn bộ giá trị căn hộ và nhận bàn giao căn hộ từ chủ đầu tư. Tuy nhiên, sau hai tháng vào ở, H phát hiện từng mảng tường bị bong, trần nhà bị lở. H gọi điện cho bộ phận chăm sóc khách hàng của Công ty E để yêu cầu sửa chữa, bảo hành nhà theo quy định.

Trường hợp 3. Chị A có chiếc máy tính bị hỏng đem đến cửa hàng anh B để sửa chữa. Hai bên thoả thuận là anh B sẽ sửa chữa và giao hàng sau năm ngày với chi phí sửa chữa là 500 000 đồng. Sau năm ngày, anh B chưa sửa xong nên báo cho chị A hẹn thêm hai ngày nữa sẽ trả máy tính, tuy nhiên sau hai ngày anh B cũng không thực hiện được thoả thuận với chị A.



- a) Theo em, hợp đồng dân sự là gì và giao kết dựa trên nguyên tắc nào? Hợp đồng dân sự có những hình thức gì?
- b) Các trường hợp trên có phải hợp đồng dân sự không? Nếu là hợp đồng dân sự thì thuộc loại hợp đồng nào?
- c) Hãy kể tên một số hợp đồng dân sự mà em biết.



Hợp đồng dân sự là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi và chấm dứt các quyền và nghĩa vụ dân sự.

Hợp đồng dân sự có thể được giao kết bằng lời nói, văn bản hoặc hành vi cụ thể (khi pháp luật không quy định đối với loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng một hình thức nhất định như hợp đồng mua bán nhà).

Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng dân sự được xác định theo thoả thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng có thể có các nội dung bao gồm đối tượng, số lượng, chất lượng, giá, phương thức thanh toán, thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng, quyền, nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, phương thức giải quyết tranh chấp.

Khi thực hiện hợp đồng dân sự, các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản về đối tượng, địa điểm, thời hạn, phương thức và các thoả thuận khác mà nội dung của hợp đồng đã xác định.

Theo quy định của pháp luật dân sự có rất nhiều loại hợp đồng dân sự như hợp đồng mua bán, vay tài sản, thuê tài sản, trao đổi tài sản, tặng cho tài sản, thuê khoán tài sản, dịch vụ, vận chuyển hành khách và vận chuyển tài sản, gia công, gửi giữ tài sản, bảo hiểm, uỷ quyền, thuê nhà ở.

2. Nghĩa vụ dân sự

Đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 274. Nghĩa vụ

Nghĩa vụ là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể (sau đây gọi chung là bên có nghĩa vụ) phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác (sau đây gọi chung là bên có quyền).

Điều 275. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ

Nghĩa vụ phát sinh từ căn cứ sau đây:

1. Hợp đồng.
2. Hành vi pháp lý đơn phương.
3. Thực hiện công việc không có uỷ quyền.
4. Chiếm hữu, sử dụng tài sản hoặc được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.

5. Gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật.

6. Căn cứ khác do pháp luật quy định.

Điều 292. Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm:

1. Cầm cố tài sản.

2. Thế chấp tài sản.

3. Đặt cọc.

4. Kí cược.

5. Kí quỹ.

6. Bảo lưu quyền sở hữu.

7. Bảo lãnh.

8. Tín chấp.

9. Cầm giữ tài sản.

Trường hợp 1. Anh G chưa có gia đình, tham dự tiệc cưới nhà anh C. Do tửu lượng yếu, anh G chỉ uống vài lon bia rồi xin phép về nhưng bị anh C ép uống thêm và ra điều kiện nếu uống được sẽ gả em gái cho. Nghe anh C nói vậy, anh G uống thêm vài lon bia nữa rồi ra về. Trên đường do quá say, không làm chủ tốc độ, anh G đã đâm xe vào chị P gây hư hỏng xe và chị P phải vào bệnh viện điều trị do bị chấn thương nhẹ.

Trường hợp 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn X (bên A) kí kết hợp đồng mua bán 1 tấn gạo với Công ty T (bên B). Theo thoả thuận bên A có trách nhiệm giao hàng cho bên B vào thời điểm ngày 10/3/2020. Đến ngày giao hàng, bên A không mang hàng đến, do điều kiện sản xuất Công ty T phải mua hàng của công ty khác.

Trường hợp 3. Bên A giới thiệu và thu xếp cho bên B chuyển nhượng quyền sử dụng 01 lô đất tại khu đô thị mới. Bên B đặt cọc cho bên A số tiền 200 triệu đồng nếu bên B không thực hiện việc chuyển nhượng lô đất trên thì bên B sẽ mất số tiền đặt cọc. Nếu bên A không giới thiệu và thu xếp được cho bên B chuyển nhượng lô đất thì bên A phải hoàn trả số tiền đặt cọc và phải nộp phạt thêm một khoản tiền bằng tiền đặt cọc. Sau đó, bên B không nhận chuyển nhượng lô đất đó.



Căn cứ vào thông tin, em hãy xác định:

a) Trường hợp 1, anh G sẽ phải thực hiện nghĩa vụ gì với chị P?

b) Trường hợp 2, các bên đã thoả thuận và phát sinh quyền và nghĩa vụ gì?

c) Trường hợp 3, biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nào được áp dụng? Biện pháp này có ý nghĩa như thế nào để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giữa các bên?



Khi các bên thoả thuận với nhau về một nội dung nào đó như trả tiền, thực hiện một công việc, không thực hiện một công việc nhất định hoặc chuyển giao vật, chuyển giao quyền thì các bên sẽ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự.

Nghĩa vụ dân sự phát sinh từ các căn cứ như hợp đồng, hành vi pháp lý đơn phương, thực hiện công việc không có uỷ quyền, chiếm hữu sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật, gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật hoặc các căn cứ khác do pháp luật quy định.

Đối tượng của nghĩa vụ dân sự là tài sản, công việc phải thực hiện, công việc không được thực hiện.

Nghĩa vụ dân sự chấm dứt khi nghĩa vụ được hoàn thành, theo thoả thuận của các bên, nghĩa vụ được thay thế bằng nghĩa vụ khác, nghĩa vụ được bù trừ, bên có quyền và bên có nghĩa vụ hoà nhập vào làm một, nghĩa vụ dân sự chấm dứt khi thời hạn khởi kiện đã hết.

Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự là việc thoả thuận giữa các bên nhằm qua đó đặt ra các biện pháp tác động mang tính chất dự phòng để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ đồng thời ngăn ngừa và khắc phục những hậu quả xấu do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ gây ra. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự bao gồm cầm cố, thế chấp, đặt cọc, bảo lãnh, kí cược, tín chấp.

3. Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ

Em hãy đọc thông tin, trường hợp trả lời câu hỏi sau

Thông tin. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (Sửa đổi, bổ sung năm 2022)

Điều 18. Quyền tác giả

Quyền tác giả bao gồm quyền tài sản và quyền nhân thân.

Điều 19. Quyền nhân thân

Quyền nhân thân bao gồm các quyền sau đây:

1. Đặt tên cho tác phẩm;
2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kì hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Điều 87. Quyền đăng kí nhãn hiệu

Tổ chức, cá nhân có quyền đăng kí nhãn hiệu dùng cho hàng hoá do mình sản xuất hoặc dịch vụ do mình cung cấp.

Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017

Điều 4. Đối tượng công nghệ được chuyển giao

1. Công nghệ được chuyển giao là một hoặc các đối tượng sau đây:

- a) Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ;
- b) Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu;
- c) Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ;
- d) Máy móc, thiết bị đi kèm một trong các đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp đối tượng công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì việc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 5. Hình thức chuyển giao công nghệ

1. Chuyển giao công nghệ độc lập.

2. Phần chuyển giao công nghệ trong trường hợp sau đây:

- a) Dự án đầu tư;
- b) Góp vốn bằng công nghệ;
- c) Nhượng quyền thương mại;
- d) Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ;
- e) Mua, bán máy móc, thiết bị quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 của Luật này.

Trường hợp 1. Anh E là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm X không may bị tai nạn qua đời, vì tác phẩm được rất nhiều độc giả yêu thích nên anh I đã viết tiếp theo cốt truyện của anh E. Những người thừa kế quyền tác giả của anh E không đồng ý vì cho rằng như thế là vi phạm quyền tác giả. Còn anh I cho rằng mình là tác giả đối với phần mới viết này, phần này độc lập với phần viết của anh E và cũng được độc giả rất yêu thích.

Trường hợp 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn M trong quá trình hoạt động kinh doanh có sử dụng dấu hiệu “F” mà Công ty Cổ phần H là chủ thể đang trong thời hạn pháp luật bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp để gắn vào tên gọi, biển hiệu, giấy tờ giao dịch, phương tiện quảng cáo kinh doanh, có cùng kênh tiêu thụ dịch vụ du lịch, có dấu hiệu tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu “F” mà Công ty Cổ phần H đang được pháp luật bảo hộ.

Trường hợp 3. Hãng xe hơi Z chuyển giao công nghệ sản xuất ô tô cho Công ty XY để mở rộng thị trường tại Việt Nam. Với việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật từ hãng xe hơi Z, Công ty XY được phép sản xuất và lắp ráp những chiếc ô tô hoàn chỉnh theo công nghệ của hãng xe hơi Z, sau đó bán cho người tiêu dùng.



- a) Từ thông tin và trường hợp 1, anh E và anh I có quyền và nghĩa vụ gì khi là tác giả của tác phẩm?
- b) Trong trường hợp 2, quyền nào bị xâm phạm?
- c) Hãy kể tên một số quyền sở hữu trí tuệ mà em biết. Từ những trường hợp trên, em hãy nhận diện quyền sở hữu trí tuệ và những vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ.
- d) Từ thông tin và trường hợp 3, em hiểu gì về chuyển giao công nghệ?



Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ quy định về việc xác lập quyền của một cá nhân đối với kết quả sáng tạo tinh thần như tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, các đối tượng của sở hữu công nghiệp và chuyển giao các đối tượng đó.

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với các tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và các quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với các tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Tác giả là cá nhân, là người trực tiếp sáng tạo toàn bộ hoặc một phần tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học. Trong trường hợp hai hay nhiều người cùng sáng tạo ra một tác phẩm thì họ là đồng tác giả với các tác phẩm đó. Tác giả tự sáng tạo ra tác phẩm thì vừa là tác giả của tác phẩm, đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả. Chủ sở hữu quyền tác giả là người có quyền định đoạt quyền tài sản liên quan đến tác phẩm (quyền nhân thân luôn gắn với tác giả của tác phẩm).

Quyền liên quan đến quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mạng chương trình được mã hoá.

Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

Chuyển giao công nghệ là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.



Luyện tập và Vận dụng

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những hành vi nào sau đây? Vì sao?
 - A. Anh A hát bài hát của nhạc sĩ C, có xin phép và trả tiền bản quyền cho nhạc sĩ theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - B. M cố tình không trả khoản tiền đã vay của H mặc dù hết thời hạn cam kết phải trả cho H.
 - C. Công ty M đăng kí thương hiệu của công ty mình tại cơ quan có thẩm quyền để bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ.
2. Mỗi vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ dưới đây thuộc nhóm nào? Lấy ví dụ minh họa.
 - a. Vi phạm pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh.
 - b. Vi phạm pháp luật về nhái nhãn hiệu nổi tiếng.
 - c. Vi phạm pháp luật về tên thương mại, tên doanh nghiệp.
 - d. Xâm phạm quyền sở hữu đối với sáng chế.
 - e. Xâm phạm quyền sở hữu đối với giải pháp hữu ích.
 - g. Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật khoa học.
 - h. Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả.
 - i. Sửa chữa, cắt xét hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kì hình thức nào gây phương hại đến danh dự uy tín của tác giả.
 - k. Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác.
 - l. Mạo danh người biểu diễn, nhà sản xuất, bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

3. L là một họa sĩ, G là một người khách đến xem tranh, rất thích một bức tranh trong xưởng vẽ của L. L và G đã thống nhất giá bán bức tranh là 2 triệu đồng, L sẽ hỗ trợ cho người giao tranh đến tận nhà cho G. Sau khi G trả đủ 2 triệu đồng cho L, ba ngày sau, L giao bức tranh cho G tại nhà G. Khi mở bức tranh ra xem, G thấy bức tranh bị nhoè mực. Hỏi ra mới biết H trên đường vận chuyển thì trời mưa nhưng H không dừng lại trú mưa. Vì vậy, G yêu cầu L bồi thường thiệt hại.

Theo em, các quan hệ dân sự phát sinh trong tình huống này là gì? L, G, H thực hiện những nghĩa vụ gì? Vì sao?

4. C là chủ sở hữu chiếc điện thoại vừa mới được bán trên thị trường. B không đủ tiền mua nhưng rất thích chiếc điện thoại này nên mượn của C chiếc điện thoại để dùng trong một ngày. Khi đang gọi điện thoại thì bạn gái của B là E đến chơi. B nói đây là điện thoại của mình và tặng cho E chiếc điện thoại này. Sau đó, B nói với C là bị móc trộm điện thoại trên đường và hứa khi nào đủ tiền sẽ mua đền cho C chiếc điện thoại khác. Trong một lần đi sinh nhật, C nhận thấy chiếc điện thoại của mình do E đang sử dụng vì có một số đặc điểm của chiếc điện thoại chỉ mình C biết. Hai bên cãi vã to tiếng. Trong cơn nóng giận, E vứt thẳng chiếc điện thoại vào tường, điện thoại bị vỡ và hỏng nặng, không sử dụng được. C đã phát hiện ra sự thật và yêu cầu B phải mua đền cho mình chiếc điện thoại.

Theo em, hành vi nào đáng bị phê phán trong tình huống trên? B có nghĩa vụ gì trong tình huống này và E có phải chịu trách nhiệm cùng với B không? Tại sao?

5. Xây dựng kế hoạch về một cuộc thi “Tìm hiểu quy định về sở hữu trí tuệ và chuyên gia công nghệ” theo gợi ý sau:

- Lập kế hoạch, dự kiến thời gian;
- Tổ chức đăng kí tham gia;
- Xây dựng chương trình, thể lệ cuộc thi, hình thức trình bày,...

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được nội dung cơ bản của chế định pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.
- Nêu được ý kiến, phân tích đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.



Mở đầu

Gia đình là tế bào của xã hội, hôn nhân và gia đình là nền tảng của xã hội, xuất phát từ hôn nhân, các chức năng cơ bản của gia đình được tiếp nối như mối quan hệ vợ, chồng, nghĩa vụ chăm sóc, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình, quyền và nghĩa vụ về nhân thân và tài sản, thừa kế di sản,... Tất cả các quan hệ này được pháp luật hôn nhân và gia đình, thừa kế ghi nhận nhằm ổn định bền vững và phát triển của xã hội.

Hãy chia sẻ những điều em biết về pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.



Khám phá

1. Một số quy định pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình

a. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin

Luật Bình đẳng giới 2006

Điều 18. Bình đẳng giới trong gia đình

1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.
2. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình.
3. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

4. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

5. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 33. Tài sản chung của vợ chồng (Trích)

1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kì hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thoả thuận là tài sản chung.

Điều 38. Chia tài sản chung trong thời kì hôn nhân (Trích)

1. Trong thời kì hôn nhân, vợ chồng có quyền thoả thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, trừ trường hợp quy định tại Điều 42 của Luật này; nếu không thoả thuận được thì có quyền yêu cầu Toà án giải quyết.

Điều 43. Tài sản riêng của vợ, chồng (Trích)

1. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kì hôn nhân.

2. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng cũng là tài sản riêng của vợ, chồng.

Trường hợp 1. Ông M và bà N kết hôn được 15 năm, có ba người con, hai trai và một gái. Ông M hay có phân biệt giữa con trai và con gái. Ông cho rằng con trai phải cho đi học, con gái học ít cũng được, làm bất cứ việc gì ông cũng đều ưu tiên cho con trai hơn. Bà N không đồng ý cho rằng con trai hay con gái đều phải được đối xử như nhau. Ông M không đồng ý cho bà N đi làm thêm để phụ giúp thêm kinh tế cho gia đình. Hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau về những vấn đề này.

Trường hợp 2. A và B là vợ chồng hợp pháp, có tài sản chung là 500 triệu, A có 200 triệu là tài sản riêng do được thừa kế từ bố mẹ. A và B đã thoả thuận bằng văn bản chia tài sản chung để A tự do kinh doanh tránh rủi ro cho gia đình. Hai bên vẫn hạnh phúc, mỗi người được 250 triệu đồng. Sau khi chia tài sản, A nói với B là lương của B sẽ dùng để chi tiêu trong gia đình, còn A kinh doanh để tích lũy cho gia đình. Sau 3 năm kinh doanh, A thu được khoản lợi tức là 200 triệu. Hằng tháng, B được hưởng lương là 5 triệu và đã chi tiêu hết cho sinh hoạt gia đình.



- a) Từ thông tin trên, theo em, quyền và nghĩa vụ về nhân thân của vợ và chồng ở trường hợp 1 được thể hiện như thế nào?
- b) Theo em, tài sản chung và tài sản riêng của A trong khối tài sản chung của vợ chồng là bao nhiêu?



Quan hệ vợ chồng phát sinh kể từ khi kết hôn hợp pháp. Nội dung pháp lý của quan hệ giữa vợ và chồng là quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.

Quan hệ nhân thân của vợ, chồng là quan hệ không mang nội dung kinh tế. Theo đó, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau; có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp, học tập, nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Quan hệ về tài sản của vợ chồng được xác định những tài sản nào là tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng; quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung, tài sản riêng; quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng trong việc thực hiện các giao dịch, thanh toán, phân chia tài sản. Có hai chế độ tài sản của vợ chồng là chế độ tài sản theo thoả thuận và chế độ tài sản theo luật định.

b. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình

Đọc thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 73 (Trích)

Đối với giao dịch liên quan đến tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, tài sản đưa vào kinh doanh của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì phải có sự thoả thuận của cha mẹ.

Điều 104. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu

1. Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu; trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 105 của Luật này thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.

2. Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại; trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Thông tin 2. Tôi bắt gặp hình ảnh chú trong gần 5 năm qua trên nhiều con đường thuộc quận Hải Châu (Đà Nẵng). Hình ảnh một người đàn ông đi chân trần trên chiếc xe ba bánh, chở phía sau một mẹ già yếu đi vòng quanh thành phố, qua mỗi đoạn đường có cảnh đẹp hay có những toà nhà cao, chú đều đi chậm lại hoặc dừng hẳn để chỉ cho mẹ xem. Nhà chú có hai mẹ con, mẹ chú già yếu, chú cũng không nhớ rõ hết các thông tin về tuổi tác cũng như hoàn cảnh của mình, có vẻ trong tâm tưởng của người con trai này, mẹ là nguồn sống, là động lực để chú vững vàng mỗi ngày.

(Theo *tuoitre.vn*, ngày 04/5/2017)

Trường hợp 1. Ông S và bà L kết hôn được 17 năm và có 1 người con gái 16 tuổi là cháu N. Cháu N được ông bà nội cho riêng số tiền là 100 triệu đồng, hiện nay cháu đang nhờ bố mẹ quản lí. Đang là thời gian nghỉ hè và vốn rất thích kinh doanh nên N nói bố mẹ đưa lại tiền cho mình để kinh doanh bán hàng qua mạng. Ông S và bà L không đồng ý vì cho rằng cháu N còn nhỏ và số tiền này phải do ba mẹ định đoạt. Vì vậy, giữa bố mẹ và cháu N xảy ra mâu thuẫn.

Trường hợp 2. Tại quyết định công nhận thuận tình li hôn của Toà án tỉnh H, Toà án tỉnh H đã ghi nhận sự thoả thuận của anh P với chị L giao cháu P (sinh năm 2010) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi li hôn, do chị L phải sang Liên bang Nga làm ăn, nên chị L uỷ quyền cho bố mẹ đẻ của mình là ông Q và bà S chăm sóc nuôi dưỡng cháu P.



- a) Từ thông tin 1, theo em trong trường hợp trên, N có được quản lí số tiền của mình không? Giải thích tại sao.
- b) Thông tin 2 nói đến quyền nào giữa cha mẹ và con?
- c) Từ thông tin 1, theo em trong trường hợp 2, quyền, nghĩa vụ của ông bà với cháu được thể hiện như thế nào?



Quan hệ giữa cha mẹ và con là quan hệ giữa người cha, người mẹ với người con của họ.

Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Cha mẹ không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Con có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình. Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật; trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.

Con có quyền có tài sản riêng. Con đủ 15 tuổi trở lên có thể tự mình quản lý tài sản riêng hoặc nhờ cha mẹ quản lý. Tài sản riêng của con dưới 15 tuổi, con mất năng lực hành vi dân sự do cha mẹ quản lý. Cha mẹ có thể uỷ quyền cho người khác quản lý tài sản riêng của con.

Ông bà có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nêu gương tốt cho con cháu. Con cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà.

c. Li hôn

Đọc thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 52 (Trích)

Vợ hoặc chồng, hoặc cả 2 người có quyền yêu cầu Toà án giải quyết li hôn.

Điều 56 (Trích)

Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu li hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện li hôn và đã thoả thuận về chia tài sản, việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con,... thì Toà án công nhận thuận tình li hôn.

Khi vợ hoặc chồng yêu cầu li hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho li hôn nếu có căn cứ về việc vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân gia đình lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tình huống. Năm 2017, hai vợ chồng P và chị H phát sinh mâu thuẫn thường xuyên gây gổ đánh nhau. Năm 2018, anh P làm đơn xin li hôn và cũng được sự đồng ý của chị H kí vào đơn li hôn và gửi đến Toà án.



Từ thông tin bên, em hãy cho biết trường hợp li hôn giữa anh P và chị H là li hôn do yêu cầu của một bên hay là thuận tình li hôn?



Li hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Nếu kết hôn là nhằm xác lập quan hệ vợ chồng thì li hôn được đặt ra khi hạnh phúc gia đình không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thực hiện nguyên tắc hôn nhân tự nguyện và tiến bộ, bảo đảm quyền tự do hôn nhân bao gồm quyền tự do kết hôn của nam nữ và tự do li hôn của vợ chồng. Do quyền li hôn là quyền nhân thân không thể chuyển giao, vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết li hôn.

Tòa án có thể công nhận thuận tình li hôn hoặc giải quyết li hôn theo yêu cầu của một bên.

2. Một số quy định của pháp luật dân sự về thừa kế di sản

a. Quy định chung về thừa kế tài sản

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 609. Quyền thừa kế (Trích)

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Người thừa kế không là cá nhân có quyền hưởng di sản theo di chúc.

Điều 610. Quyền bình đẳng về thừa kế của cá nhân (Trích)

Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Trường hợp 1. Anh A và chị B kết hôn năm 2010, có hai đứa con chung (4 tuổi và 6 tuổi), tài sản chung là căn nhà trị giá 6 tỉ. Anh A lập di chúc để lại toàn bộ tài sản của mình cho một tổ chức bảo trợ trẻ em mồ côi. Tài sản của anh A được định đoạt trong di chúc bằng một phần hai khối tài sản chung của vợ chồng là 3 tỉ.

Trường hợp 2. Ông T có 3 người con, vì lớn tuổi nên ông về ở với con trai lớn. Do tuổi cao sức yếu nên ông T đã mất. Sau đó người con trai lớn công bố di chúc của ông T là để lại toàn bộ tài sản cho con trai lớn. Di chúc được lập bằng văn bản và viết tay không có công chứng và người làm chứng. Nhưng sau đó, Tòa án quyết định là di chúc không có hiệu lực vì không đúng theo quy định của pháp luật, nên tài sản của ông T được chia thừa kế theo pháp luật.

Trường hợp 3. Ông H, bà K có 2 người con, một trai và một gái, Ông bà quyết định tặng cho hai vợ chồng con trai của mình một ngôi nhà khi hai vợ chồng tổ chức đám cưới để có chỗ ở và cũng hứa với cô con gái khi nào tổ chức đám cưới sẽ cho một căn nhà như của anh trai.



- a) Từ thông tin, theo em, trong trường hợp 1 anh A có quyền để lại toàn bộ tài sản của mình cho một tổ chức không? Giải thích tại sao.
- b) Theo em, ai có quyền được hưởng thừa kế trong trường hợp 3?
- c) Từ thông tin và các trường hợp, em hiểu thế nào về quyền thừa kế?
- d) Trường hợp 3 có nói về thừa kế di sản không?



Thừa kế là việc dịch chuyển tài sản của người đã mất cho người còn sống. Tài sản mà người đã mất để lại gọi là di sản thừa kế (di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác).

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Người thừa kế không là cá nhân có quyền hưởng di sản theo di chúc.

Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

b. Thừa kế theo di chúc

Em hãy đọc thông tin, trường hợp sau và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 624. Di chúc

Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.

Điều 626. Quyền của người lập di chúc

Người lập di chúc có quyền sau đây:

1. Chỉ định người thừa kế; trút quyền hưởng di sản của người thừa kế.
2. Phân định phần di sản cho từng người thừa kế.

3. Dành một phần tài sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng.
4. Giao nghĩa vụ cho người thừa kế.
5. Chỉ định người giữ di chúc, người quản lý di sản, người phân chia di sản.

Điều 627. Hình thức của di chúc

Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.

Trường hợp 1. Vợ chồng A và B có 800 triệu. Ông bà có hai người con đều đã thành niên. Ông A để lại di chúc, trong đó để lại cho hai người con là C và D 50% tài sản. Ông A lập di chúc có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H. Theo đó, ông A có di chúc nên việc phân chia tài sản của ông A sẽ theo di chúc.

Trường hợp 2. Trong một đám cháy, ông C được đội cứu hộ cứu thoát ra ngoài, trước khi chết, ông C nói muốn để lại toàn bộ tài sản của mình cho con gái là chị Y. Biết rằng ông C có 3 người con và đều đã thành niên, vợ ông C đã mất.



- a) Từ thông tin, theo em, trong trường hợp 1 việc phân chia tài sản của ông A theo di chúc có đúng không? Giải thích tại sao. Theo quan điểm của em, ông A có cần phải để lại tài sản cho người nào nữa không?
- b) Trong trường 2, theo em, việc ông C nói miệng để lại tài sản cho con gái Y có được không?



Thừa kế theo di chúc là việc chuyển di sản thừa kế (tài sản, quyền về tài sản) của người chết cho những người còn sống theo sự định đoạt của người đó khi còn sống.

Người lập di chúc có toàn quyền trong việc định đoạt tài sản thuộc sở hữu của mình, trừ trường hợp do pháp luật quy định (như phải để lại tài sản cho những người thuộc diện thừa kế đương nhiên là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc bao gồm con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng; con đã thành niên không có khả năng lao động và những người này được hưởng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu như di sản được chia thừa kế theo pháp luật).

Hình thức di chúc có thể bằng văn bản (văn bản có người làm chứng, không có người làm chứng, có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công chứng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đều có hiệu lực pháp lý như nhau) và di chúc bằng miệng.

c. Thừa kế theo pháp luật

Em hãy đọc thông tin, tình huống, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin. Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 651. Người thừa kế theo pháp luật

1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

Điều 652. Thừa kế thế vị

Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì chắt được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của chắt được hưởng nếu còn sống.

Tình huống. Năm 1970, ông L kết hôn với bà N có 3 người con là A, B, T. Năm 2019, ông L qua đời không để lại di chúc. Năm 2020, 3 người con bà N có hợp để thỏa thuận phân chia di sản. Thời điểm đó, di sản của ông được xác định là quyền sở hữu 2 căn nhà (trị giá 4 tỉ) và 300 triệu đồng tiền mặt. Khi họp bàn những người thừa kế, bà N, anh B và anh T đều thống nhất phân chia tài sản theo hướng, 2 căn nhà chia cho hai người con trai là B và T, 300 triệu chia cho 4 người là bà N, anh B, anh T và chị A. Chị A không chấp nhận phương án như vậy, vì cho rằng đã là con thì phải được hưởng như nhau và yêu cầu hai người anh của mình phải thanh toán cho mình phần giá trị tài sản quy đổi thành tiền mà mình được hưởng từ hai căn nhà.

Trường hợp. X và Y kết hôn và có một người con gái là C. C kết hôn với D và có một người con là G. C chết năm 2010, năm 2018 X chết và không để lại di chúc. Như vậy tài sản của X sẽ chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên do C chết trước X nên tài sản mà đáng lẽ C được hưởng sẽ do G là con của C thừa kế thế vị để hưởng tài sản thừa kế của X để lại.



- a) Trong tình huống trên, theo em, quan điểm của chị A có đúng không?
- b) Em hãy chia thừa kế theo pháp luật trong trường hợp trên.
- c) Em hãy chia sẻ hiểu biết của em về thừa kế thế vị thông qua trường hợp trên.



Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.

Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp không có di chúc; di chúc không hợp pháp; những người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế; những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

Thừa kế theo pháp luật cũng được áp dụng đối với các phần di sản sau đây: phần di sản không được định đoạt trong di chúc; phần di sản có liên quan đến phần của di chúc không có hiệu lực pháp luật; phần di sản có liên quan đến người được thừa kế theo di chúc nhưng họ không có quyền hưởng di sản, từ chối nhận di sản, chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; liên quan đến cơ quan, tổ chức được hưởng di sản theo di chúc, nhưng không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.

Phần di sản này sẽ được chia đều cho những người thừa kế theo đúng quy định của pháp luật. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

Người thừa kế theo pháp luật là những người có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân và nuôi dưỡng. Những người thừa kế theo pháp luật hưởng tài sản thừa kế theo hàng thừa kế và những người cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.



Luyện tập và Vận dụng

1. Em hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Phân biệt thừa kế theo pháp luật và thừa kế theo di chúc.
- Tại sao pháp luật về thừa kế quy định việc người thừa kế đương nhiên không phụ thuộc vào nội dung di chúc?
- Thừa kế thế vị là gì? Tại sao phải quy định về thừa kế thế vị?
- Việc quy định về hàng thừa kế theo pháp luật dựa trên nguyên tắc nào?
- Di sản thừa kế được xác định như thế nào theo quy định của pháp luật dân sự?
- Phân tích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con theo pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình. Lấy ví dụ minh họa.

2. Em đồng tình hay không đồng tình với những hành vi nào sau đây? Vì sao?

- Chị P chăm sóc, hiếu thảo với bố, mẹ đẻ của mình.
- Anh N có hành vi sống chung như vợ chồng đối với chị H trong khi anh N đã có vợ là chị Y.
- Con trai ông Q đe dọa ông Q, bắt phải lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho mình.
- Anh A và anh B muốn chung sống với nhau như vợ chồng và tổ chức đám cưới.

3. Em hãy thảo luận với bạn về những hành vi vi phạm thực hiện hôn nhân và gia đình theo những gợi ý sau:

- Những tác hại của vi phạm thực hiện hôn nhân và gia đình trong đời sống xã hội.
- Hành vi vi phạm pháp luật thực hiện hôn nhân và gia đình phổ biến trong đời sống xã hội hiện nay.

c) Những việc cần làm để bản thân và gia đình không vi phạm thực hiện hôn nhân và gia đình.

4. Ông A, bà B có con chung là C, D (đều đã thành niên và có khả năng lao động). C có vợ là M có con là X, Y. D có chồng là N và một người con là K. Di sản của ông A để lại là 900 triệu.

a) Em hãy chia thừa kế theo pháp luật khi ông A chết và không để lại di chúc.

b) Em hãy chia thừa kế theo pháp luật khi ông A chết và không để lại di chúc, C chết trước A.

5. Ông N và bà S kết hôn với nhau và có 3 người con, 2 trai, 1 gái. Trong một lần theo tàu đi biển đánh bắt cá, do tàu gặp nạn, gia đình không liên lạc được với ông N, đội tìm kiếm cứu nạn cũng không tìm được, mọi người trong gia đình đều nghĩ rằng ông và mọi người trên tàu đã chết. Thời gian sau, Bà S quen biết với ông V, hai người nảy sinh tình cảm. Bà S đã yêu cầu Toà án tuyên bố ông N đã chết và yêu cầu li hôn, sau đó kết hôn với ông V. Một ngày, ông N bỗng quay trở về, rất tức giận về việc bà S kết hôn với người đàn ông khác. Ông N muốn yêu cầu Toà án ra quyết định huỷ bỏ tuyên bố ông đã chết và xác lập lại quan hệ hôn nhân với bà S.

Theo em, Ông N có thể xác lập lại quan hệ hôn nhân với bà S không? Giải thích tại sao.

6. Anh K và chị M kết hôn được hơn 10 năm mà vẫn chưa có con. Hai anh chị thống nhất sẽ nhờ chị T, chị con cậu của anh K mang thai hộ. Mọi thủ tục đã hoàn thành, chị T đã mang thai, sau 9 tháng chị sinh được bé gái bụ bẫm. Trong giai đoạn này, vợ chồng anh K xảy ra cãi vã, mâu thuẫn nhau nên không muốn nhận con về, đến thời gian giao con cho bên nhờ mang thai hộ, nhưng vợ chồng anh K không đến nhận.

Theo em, việc vợ chồng anh K không đến nhận con được giải quyết như thế nào? Việc mang thai hộ trong trường hợp này có vi phạm pháp luật không?

7. Em hãy cùng các bạn lập kế hoạch và tổ chức một buổi toạ đàm theo kế hoạch với chủ đề: Hôn nhân và gia đình.

Gợi ý:

Lập kế hoạch:

- Xác định mục đích, yêu cầu;
- Dự kiến thời gian, địa điểm, thành phần tham gia;
- Xây dựng nội dung (chương trình, bộ câu hỏi, đóng vai, mời chuyên gia,...);
- Phân công người phụ trách chương trình, trang trí, dẫn chương trình, mời chuyên gia, đại biểu,...

Tổ chức tọa đàm theo kế hoạch.

Đánh giá kết quả (viết báo cáo/thu hoạch).

8. Xây dựng kế hoạch về cuộc thi “Tìm hiểu thừa kế di sản theo quy định của pháp luật dân sự” theo gợi ý sau:

- Lập kế hoạch, dự kiến thời gian;
- Tổ chức đăng kí tham gia;
- Xây dựng chương trình, thể lệ cuộc thi, hình thức trình bày,...

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Bảo lãnh	Là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.	53 – 54
Chấm dứt hợp đồng	Là kết thúc việc thực hiện các thoả thuận mà các bên đã đạt được khi tham gia vào quan hệ hợp đồng, làm cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng ngừng hẳn lại, bên có nghĩa vụ không có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ và bên có quyền không thể buộc bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ được nữa.	28 – 30, 32, 35 – 37, 41 – 42
Chất ô nhiễm	Là chất hoá học hoặc tác nhân vật lí, sinh học mà khi xuất hiện trong môi trường vượt mức cho phép sẽ gây ô nhiễm môi trường.	13
Chất thải	Là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.	7, 9, 12 – 14, 16, 19, 22
Chất thải rắn	Là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải.	7, 12
Chế độ hưu trí	Là chế độ trả lương cho người lao động hết tuổi làm việc theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo hoạt động khi về già có chi phí trả cho những người yêu cầu cơ bản và thiết bị sức khoẻ.	41
Di chúc	Là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.	64 – 69
Đặt cọc	Là việc một bên giao cho bên kia một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng.	53 – 54
Đơn phương chấm dứt hợp đồng	Là trường hợp một bên trong quan hệ lao động muốn chấm dứt quan hệ lao động mà không cần có sự thoả thuận hoặc đồng ý với bên còn lại theo quy định của pháp luật.	29, 32, 35 – 36, 42

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Giao kết hợp đồng	Là việc các bên bày tỏ, thống nhất với nhau về việc xác lập, thay đổi hay chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng trên cơ sở tuân theo nguyên tắc do pháp luật quy định.	29, 31 – 37
Hội đồng trọng tài lao động	Là cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp lao động cá nhân, tranh chấp nhận lao động tập thể về quyền, tranh chấp lao động tập thể về lợi ích theo quy định của pháp luật lao động.	42
Kỉ luật lao động	Là những nội dung được quy định mang tính chất bắt buộc mà người lao động trong quan hệ lao động cũng như người sử dụng lao động phải tuân theo, là cơ sở để đảm bảo việc thực hiện công việc được thực hiện một cách thống nhất, chặt chẽ, hiệu quả, đảm bảo trật tự tại nơi làm việc.	28
Lương cơ bản	Là mức lương mà người lao động được nhận khi làm việc trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không bao gồm tiền thưởng tài khoản, phụ cấp, hỗ trợ và bổ sung tài khoản .	39
Môi trường	Bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên.	3, 5 – 23
Người lao động	Là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thoả thuận, được trả lương và chịu sự quản lí, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.	24 – 32, 34 – 44
Người sử dụng lao động	Là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thoả thuận; trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.	24 – 41
Ô nhiễm môi trường	Là sự biến đổi tính chất vật lí, hoá học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kĩ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên.	7, 11 – 14, 16 – 20, 22
Phụ cấp	Là khoản tiền trả cho người lao động ngoài tiền lương cơ bản nhằm trả đủ những hao phí lao động tăng thêm do công việc cụ thể đòi hỏi hoặc do những yếu tố bất lợi trong điều kiện lao động và sinh hoạt mà khi xác định tiền lương chưa tính đến.	28, 34, 38 – 39

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Quỹ bảo hiểm xã hội	Là quỹ tài chính độc lập với ngân sách nhà nước, được hình thành từ đóng góp của người lao động, người sử dụng lao động và có sự hỗ trợ của Nhà nước.	41, 43
Sự cố môi trường	Là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc do biến đổi bất thường của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng.	9, 11, 16 – 17
Suy thoái môi trường	Là sự suy giảm về chất lượng, số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên.	9, 11, 17
Thành phần môi trường	Là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác.	9
Thuê mướn lao động	Là một loại hình của hệ thống lao động giữa người sử dụng lao động cam kết trả lương và các khoản tiền khác nhau cho người lao động và người lao động cam kết làm việc cho người sử dụng lao động theo những điều đã thoả thuận.	29
Tranh chấp lao động cá nhân	Là tranh chấp giữa người lao động với người sử dụng lao động; giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; giữa người lao động thuê lại với người sử dụng lao động thuê lại.	42
Tranh chấp lao động tập thể	Là tranh chấp lao động về quyền hoặc về lợi ích giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động.	42
Tuyển dụng lao động	Là một quá trình tuyển chọn và sử dụng lao động của các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức và cá nhân do Nhà nước quy định, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dụng lao động của mình.	24, 26 – 27, 29
Việc làm	Là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.	25 – 26, 28, 31 – 32, 36 – 37, 42

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu	3
Chuyên đề 1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN	6
Bài 1. Những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên	6
Bài 2. Một số chính sách và biện pháp nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên	18
Chuyên đề 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG	24
Bài 3. Khái niệm, nguyên tắc của pháp luật lao động	24
Bài 4. Một số vấn đề của pháp luật lao động về hợp đồng lao động.	31
Bài 5. Một số vấn đề của pháp luật lao động về tiền lương và tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động	38
Chuyên đề 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ	45
Bài 6. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật dân sự	45
Bài 7. Một số chế định của pháp luật dân sự: hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	50
Bài 8. Một số quy định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản	59
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	72

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:

NGUYỄN THỊ THUY LINH

Thiết kế sách:

PHAN THỊ TÚ UYÊN

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM – NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in:

NGUYỄN THỊ THUY LINH

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11

Mã số:

ISBN:

In, khổ 19 x 26,5cm, tại

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11* được biên soạn nhằm giúp học sinh tăng cường kiến thức và năng lực học tập, rèn luyện về kinh tế, pháp luật và kĩ năng thực hành; vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề của thực tiễn; đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân sau trung học phổ thông.

Từ 3 chuyên đề học tập, sách được thiết kế thành 8 bài học, trong đó mỗi bài học được thiết kế thành các hoạt động học tập đa dạng, hấp dẫn, phù hợp với học sinh lớp 11.

Sách được trình bày đẹp, với nội dung và hình ảnh sinh động, màu sắc tươi sáng, hấp dẫn, giúp học sinh học tập hứng thú, tích cực và hiệu quả.

Sách được biên soạn bởi tập thể tác giả - những nhà khoa học, nhà giáo tâm huyết, giàu kinh nghiệm về lĩnh vực giáo dục công dân cho học sinh phổ thông.



SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

